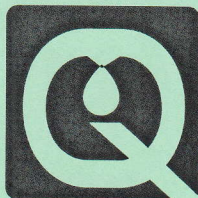


ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHỨNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CỔ PHIẾU. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
CAO SU QUẢNG NAM



QUANGNAM

(Giấy Chứng nhận ĐKKD số 4000386181 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp, đăng ký lần đầu ngày 14/07/2003; đăng ký thay đổi lần 14 ngày 24/09/2014)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHỨNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 20... /GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 25/A/2015.)



OCEAN SECURITIES

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNG

Bản cáo bạch này và các tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

Công ty cổ phần Đầu tư Cao su Quảng Nam

Trụ sở chính: Thôn Phú Sơn, Xã Ba, Huyện Đông Giang, Tỉnh Quảng Nam
Điện thoại: 84 510 3947 234 Fax: 84 5103 964 333
Website : www.qnr.vn

Công ty cổ phần Chứng khoán Đại Dương

Địa chỉ: Tầng 1&7 - Tòa nhà Trung Yên Plaza (Tòa nhà OceanGroup) Lô O17 - Khu Đô thị mới Trung Yên, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: 04 37726699 Fax: 04 37726763
Website: www.ocs.com.vn

Phụ trách công bố thông tin

Họ tên: Lê Khiếu Phương Chức vụ: Kế toán trưởng
Điện thoại: 84 5103 946 345

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM

(Giấy Chứng nhận ĐKKD số 4000386181 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp, đăng ký lần đầu ngày 14/07/2003; đăng ký thay đổi lần 14 ngày 24/09/2014)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Tên Cổ phiếu	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Quảng Nam
Loại Cổ phiếu	Cổ phần phổ thông
Mã Cổ phiếu	VHG
Mệnh giá	10.000 đồng
Giá bán	10.000 đồng/cổ phần
Tổng số lượng chào bán	75.000.000 cổ phần
Đối tượng chào bán:	Cổ đông hiện hữu
Tổng giá trị chào bán (theo mệnh giá)	750.000.000.000 đồng

TỔ CHỨC TƯ VẤN

Công ty cổ phần Chứng khoán Đại Dương

Trụ sở chính

Địa chỉ: Tầng 1&7, tòa nhà Trung Yên Plaza Lô O17, Khu Đô Thị Mới Trung Yên, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: 04 37726699 - Fax: 04 37726763 - Website: www.ocs.com.vn

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Địa chỉ: Tầng M, tòa nhà Central Park, số 117 Nguyễn Du, Bến Thành, Quận 1, TP HCM

Điện thoại : 08 62906296 - Fax: 08 62906399

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

Báo cáo Kiểm toán năm 2013 được kiểm toán bởi:

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

Địa chỉ: Lô 78-80, Đường 30 tháng 4, Quận Hải

Châu – Tp Đà Nẵng

Điện thoại: (84) 0511.3655886

Fax : (84) 0511.3655887

Website: www.aac.com.vn

Báo cáo Kiểm toán năm 2014 được kiểm toán bởi:

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt tại Hà Nội

Địa chỉ: Phòng 1407. 137 Nguyễn Ngọc Vũ, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 6285 9222

Fax: (84-4) 6285 9111

Website: www.vietlandaudit.com.vn



MỤC LỤC

I. Các nhân tố rủi ro	7
1. Rủi ro về kinh tế	7
2. Rủi ro về cơ chế chính sách và pháp luật	10
3. Rủi ro của đợt chào bán và của dự án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán	10
4. Rủi ro đặc thù.....	13
5. Rủi ro khác.....	14
II. Những người chịu trách nhiệm đối với nội dung bản cáo bạch.....	15
1. Tổ chức phát hành	15
2. Tổ chức tư vấn	15
III. Các khái niệm	16
IV. Tình hình và đặc điểm của tổ chức chào bán.....	18
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	18
1.1 Một số thông tin cơ bản về Công ty	18
1.2 Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	20
2. Cơ cấu tổ chức Công ty	22
a. Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Quảng Nam.....	22
b. Các công ty con	22
c. Các công ty liên kết	23
3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty	23
4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông tại thời điểm ngày 15/10/2014.....	27
<i>Nguồn: Công ty Đầu tư Cao su Quảng Nam</i>	28
5. Danh sách công ty mẹ và Công ty con của tổ chức chào bán, những công ty mà tổ chức chào bán đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức chào bán.....	28
6. Giới thiệu về quá trình tăng vốn của Công ty.....	30
7. Hoạt động kinh doanh.....	30
8. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.....	43
9. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....	45
9.1. <i>Vị thế của Công ty trong ngành</i>	45
9.2. <i>Triển vọng phát triển của ngành</i>	46



9.3. <i>Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung của thế giới</i>	47
10. Chính sách đối với người lao động	47
11. Chính sách cổ tức.....	49
12. Tình hình hoạt động tài chính.....	49
12.1. Các chỉ tiêu cơ bản	49
12.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....	57
13. Hội đồng quản trị, Ban lãnh đạo, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng.....	59
14. Tài sản và nguồn vốn.....	67
15. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong những năm tiếp theo	69
16. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức	70
17. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành	70
18. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu chào bán	70
V. Cổ phiếu chào bán	71
VI. Mục đích chào bán	76
VII. Kế hoạch sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán.....	82

BẢNG

Bảng 1: Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 15/10/2014	28
Bảng 2: Cơ cấu doanh thu, doanh thu tài chính, thu nhập khác của Công ty mẹ	37
Bảng 3: Cơ cấu doanh thu, doanh thu tài chính, thu nhập khác của Công ty (Hợp nhất)	37
Bảng 4: Lợi nhuận của Công ty mẹ	37
Bảng 5: Lợi nhuận của Công ty (Hợp nhất)	38
Bảng 6: Chi phí sản xuất Công ty mẹ	39
Bảng 7: Chi phí sản xuất (Hợp nhất)	39
Bảng 8: Một số hợp đồng Công ty đã và đang thực hiện	42
Bảng 9: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty mẹ	43
Bảng 10: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh (Hợp nhất).....	44
Bảng 11: Vốn kinh doanh tại 31/12/2014.....	50
Bảng 12: Cơ cấu nguồn vốn được sử dụng tại 31/12/2014	50
Bảng 13: Thời gian khấu hao tài sản cố định	51
Bảng 14: Mức lương bình quân.....	51
Bảng 15: Các khoản phải nộp theo luật định (Công ty mẹ)	51
Bảng 16: Các khoản phải nộp theo luật định (Hợp nhất)	52
Bảng 17: Tình hình trích lập các Quỹ (Công ty mẹ)	53
Bảng 18: Tình hình trích lập các Quỹ (Hợp nhất)	53
Bảng 19: Các khoản phải thu (Công ty mẹ)	53
Bảng 20: Các khoản phải thu (Hợp nhất)	54
Bảng 21: Các khoản phải trả (Công ty mẹ)	54
Bảng 22: Các khoản phải trả (Hợp nhất)	55
Bảng 23: Chi tiết các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác (Công ty mẹ)	55
Bảng 24: Chi tiết các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác (Hợp nhất)	56
Bảng 25: Chi tiết các khoản vay của Công ty đến thời điểm 31/12/2014 (Công ty mẹ).....	56
Bảng 26: Chi tiết các khoản vay của Công ty đến thời điểm 31/12/2014 (Hợp nhất).....	57
Bảng 27: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty mẹ	57
Bảng 28: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu hợp nhất	58



Bảng 29: Danh sách lãnh đạo chủ chốt.....	59
Bảng 30: Tài sản cố định và Bất động sản đầu tư (Công ty mẹ)	67
Bảng 31: Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Công ty mẹ).....	67
Bảng 32: Tài sản cố định và Bất động sản đầu tư (Hợp nhất).....	68
Bảng 33: Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Hợp nhất).....	68
Bảng 34: Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2015 - 2016.....	69
Bảng 35: Lịch trình chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	72
Bảng 36: Kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán	82

HÌNH

Hình 1: Tốc độ tăng trưởng GDP qua các năm	7
Hình 2: Tỷ lệ lạm phát qua các năm	8
Hình 3: Sơ đồ tổ chức của Công ty.....	22
Hình 4: Sơ đồ bộ máy quản lý của Công ty.....	24

I. Các nhân tố rủi ro

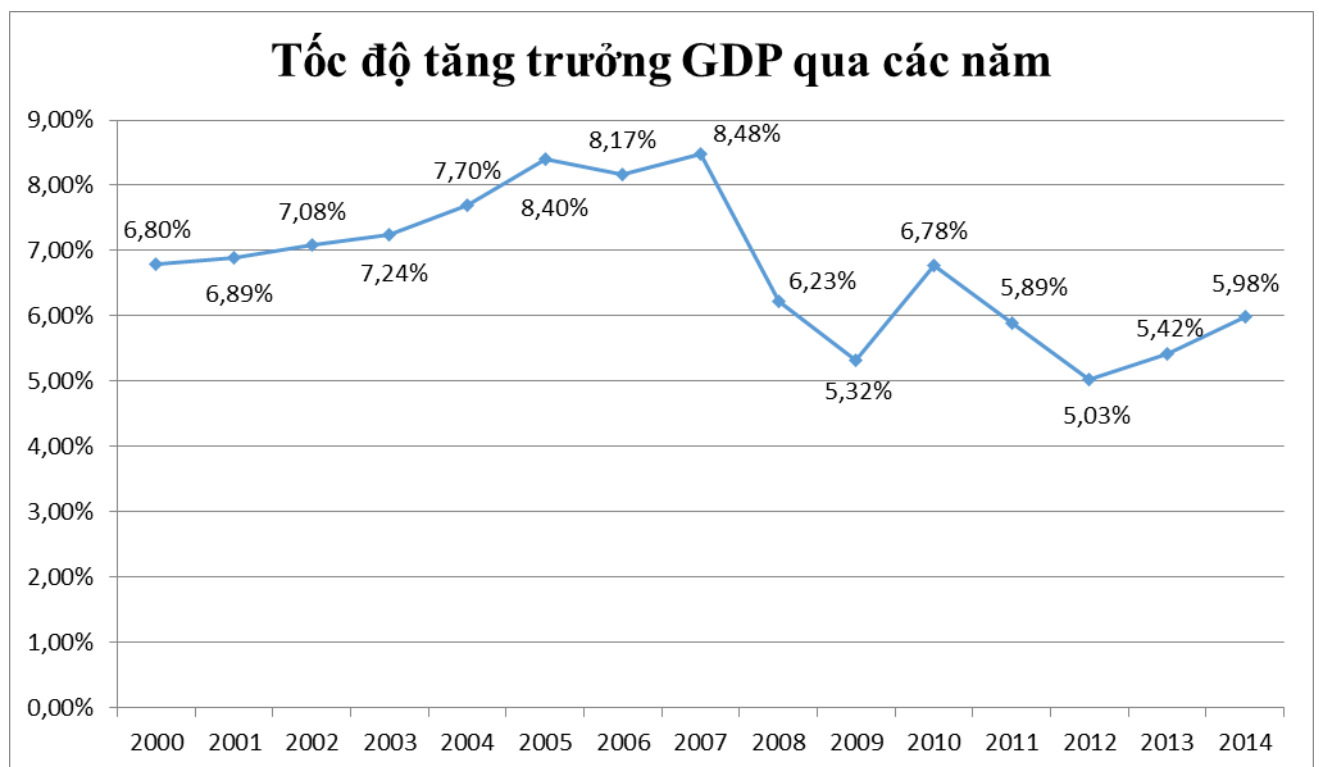
1. Rủi ro về kinh tế

Rủi ro về kinh tế là loại rủi ro hệ thống có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, thông qua những biến động như tốc độ tăng trưởng, tỷ giá, lạm phát, lãi suất, chính sách của Chính phủ hay chính sách phát triển ngành... Chính vì vậy, việc phân tích các biến số vĩ mô của nền kinh tế sẽ góp phần đưa ra các biện pháp hạn chế khắc phục mức độ ảnh hưởng tiêu cực của loại rủi ro này đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Tăng trưởng kinh tế

Tốc độ tăng trưởng kinh tế là một trong những nguyên nhân quan trọng ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng của hầu hết các ngành, lĩnh vực trong xã hội. Tăng trưởng kinh tế sẽ làm tăng nhu cầu chi tiêu trong xã hội, thúc đẩy gia tăng sản lượng công nghiệp, tăng đầu tư của cá nhân và pháp nhân trong nền kinh tế.

Hình 1: Tốc độ tăng trưởng GDP qua các năm



Nguồn: GSO, OCS tổng hợp

Kể từ năm 2008, do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu, kinh tế Việt Nam cũng bước vào giai đoạn giảm tốc đáng kể. Cùng với sự suy giảm tốc độ tăng trưởng GDP mỗi năm, nền kinh tế Việt Nam đã từng bước đối mặt với nhiều vấn đề bất ổn như lạm phát, lãi suất tăng cao đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến các hoạt động kinh tế, xã hội và an ninh trật tự. Giai đoạn từ năm 2010-2012 tốc độ tăng trưởng kinh tế giảm dần qua các năm và bình



quân chỉ đạt 5,9%/năm đã cho thấy nền kinh tế Việt Nam vẫn đang trong giai đoạn khắc phục những hậu quả của cuộc khủng hoảng tài chính, những tín hiệu phục hồi tăng trưởng và ổn định vĩ mô vẫn còn mong manh.

Năm 2013, các điều kiện kinh tế vĩ mô của Việt Nam đã ổn định hơn so với thời kỳ bất ổn đầu năm 2012, môi trường kinh tế vĩ mô tích cực khi lạm phát đang trên đà suy giảm, thâm hụt thương mại và ngân sách được kiểm chế và các chính sách quản lý tiền tệ tốt hơn, đạt được mục tiêu tăng trưởng GDP 5,42%.

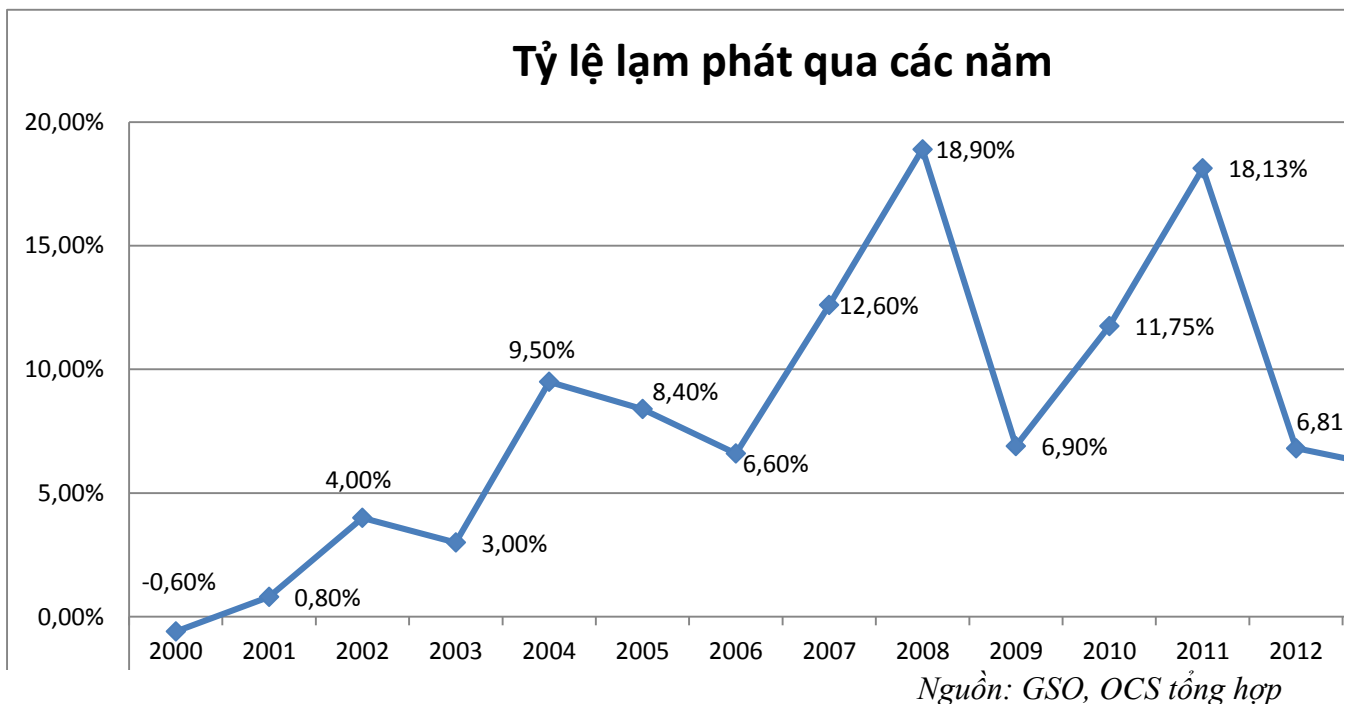
Trong năm 2014, kinh tế Việt Nam đã đạt được một số thành tựu như tăng trưởng GDP vượt mục tiêu và cao nhất trong 03 năm trở lại đây, lạm phát thấp, cán cân thương mại thặng dư, sản xuất công nghiệp tăng trưởng ... Sang năm 2015 các nhà điều hành kinh tế đều đánh giá nền kinh tế sẽ tiếp tục phục hồi, song vẫn còn nhiều phức tạp, ảnh hưởng lớn đến quốc gia chú trọng xuất khẩu như Việt Nam.

Các chính sách vĩ mô được sử dụng một cách hiệu quả sẽ là những nhân tố giúp làm giảm rủi ro về kinh tế đối với các doanh nghiệp.

Lạm phát

Lạm phát sẽ kéo theo nhiều hệ lụy làm ảnh hưởng cả trực tiếp và gián tiếp đến các chủ thể trong nền kinh tế nói chung và đến hoạt động sản xuất của các doanh nghiệp nói riêng. Trong quá trình phát triển kinh tế, lạm phát ở Việt Nam xảy ra với xu hướng tăng và biến động với biên độ khá lớn góp phần tạo ra những biến động bất thường của giá cả nguyên nhiên vật liệu đầu vào, ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu và lợi nhuận của doanh nghiệp.

Hình 2: Tỷ lệ lạm phát qua các năm





Thời kỳ 1996-2003 được coi là thiếu phát, khi CPI tăng rất thấp. Thời kỳ từ 2004 đến nay là thời kỳ lạm phát biến động và tăng cao trở lại đỉnh điểm năm 2008 là 19,89%, năm 2011 là 18,13% ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động của nền kinh tế, giá cả leo thang, các doanh nghiệp huy động vốn với lãi suất cao, chi phí tài chính tăng dẫn đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh suy giảm.

Trong điều kiện đó, Chính Phủ đã có nhiều quyết sách quyết liệt để kiềm chế lạm phát qua đó từng bước ổn định vĩ mô, từng bước tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp. Nhờ đó Lạm phát từng bước được kiềm chế và có xu hướng giảm kể từ năm 2012. Tỷ lệ lạm phát được kiểm soát với mức tăng 9,21% vào năm 2012, bằng 1/2 so với mức tăng của năm 2011, chỉ số giá tiêu dùng bình quân năm 2013 là 6,6%. Năm 2014 là 4,09% đây là mức tăng thấp nhất trong 10 năm trở lại đây. Đó là dấu hiệu đáng mừng cho các doanh nghiệp trong nước nói chung và Công ty nói riêng.

Lãi suất

Đối với một doanh nghiệp sản xuất thì rủi ro lãi suất là rủi ro khi chi phí trả lãi vay của doanh nghiệp cao ảnh hưởng tới lợi nhuận của doanh nghiệp và mức độ rủi ro về lãi suất cũng khác nhau giữa các ngành với nhau tùy theo cơ cấu nợ vay của các ngành đó.

Chính sách thắt chặt tiền tệ được thực hiện chặt chẽ trong năm 2011 vừa qua nhằm đối phó với lạm phát. Thực tế trong thời gian đó, mức lãi suất trên thị trường ở mức cao và biến động mạnh. Với mức lãi suất vay từ 20 – 25%/năm đã gây khó khăn lớn cho các doanh nghiệp trong việc huy động vốn đáp ứng nhu cầu kinh doanh. Trên thị trường dân cư và tổ chức kinh tế, hiện tượng cạnh tranh huy động vốn giữa các ngân hàng và vượt trần lãi suất diễn ra phổ biến trong thời gian dài. Tuy nhiên, ngay sau khi Ngân hàng nhà nước yêu cầu các Ngân hàng thực hiện nghiêm chỉnh trần lãi suất và xử phạt các tổ chức vi phạm, lãi suất huy động đã giảm về gần mức trần 14%.

Từ đầu năm 2014 đến nay, Ngân hàng Nhà nước đã thực hiện 02 lần điều chỉnh trần lãi suất. Lần điều chỉnh thứ nhất vào ngày 17/3/2014, Ngân hàng Nhà nước ban hành quyết định chính thức về việc giảm trần lãi suất huy động với các kỳ hạn dưới 6 tháng, theo đó trần lãi suất áp dụng đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng giảm từ 7%/năm xuống 6%/năm. Ngày 29/10/2014, Ngân hàng Nhà nước điều chỉnh giảm trần lãi suất tiền gửi tối đa bằng VND của các tổ chức, cá nhân tại các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài từ mức 6%/năm xuống mức 5,5%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng, ... Việc giảm trần lãi suất là dựa trên cơ sở điều kiện, diễn biến kinh tế vĩ mô. Thời gian qua lạm phát đã được kiềm chế ở mức thấp, thanh khoản của hệ thống ngân hàng được đảm bảo.

Sự biến động của lãi suất sẽ tác động trực tiếp đến các chi phí lãi vay hàng năm của Doanh nghiệp. Với việc liên tục điều chỉnh giảm trong hai năm gần đây đã tạo điều kiện để các doanh nghiệp tiếp cận và sử dụng vốn với giá rẻ trong điều kiện thị trường tài chính ổn định.

Tỷ giá hối đoái

Là một trong những rủi ro xảy ra khi các giao dịch kinh tế được thực hiện bằng ngoại tệ và tỷ giá hối đoái biến động theo hướng bất lợi cho doanh nghiệp.

Nhờ định hướng biên độ điều hành tỷ giá ổn định và quản lý chặt chẽ hoạt động mua bán ngoại tệ của Ngân hàng Nhà nước, tỷ giá không có nhiều biến động lớn trong những năm gần đây. Ngày 28/06/2013, NHNN chính thức điều chỉnh tỷ giá từ mức 20.828 VND/USD lên 21.036 VND/USD (mức điều chỉnh 1%).

Trong năm 2014, thị trường tài chính quốc tế có nhiều biến động, thị trường tài chính trong nước cũng ghi nhận một số đợt sóng tỷ giá nhẹ. NHNN đã kịp thời có những điều chỉnh, can thiệp khiến thị trường ổn định trở lại, tỷ giá bình quân liên ngân hàng tăng 1% từ mức 21.036 VND/USD lên 21.246 VND/USD vào ngày 19/06/2014. Sau hơn 6 tháng duy trì tỷ giá bình quân liên ngân hàng ổn định ở mức 21.246 VND/USD, NHNN thực hiện điều chỉnh tỷ giá tăng 1% từ mức 21.246 VND/USD lên 21.458 VND/USD (mức điều chỉnh 1%) nhằm chủ động dẫn dắt thị trường, phù hợp với diễn biến thị trường tài chính trong nước và quốc tế, tạo sự ổn định vững chắc cho thị trường ngoại tệ.

Hiện nay, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu sử dụng bằng đồng Việt Nam. Vì vậy, Công ty sẽ không chịu nhiều ảnh hưởng khi tỷ giá hối đoái biến động.

2. Rủi ro về cơ chế chính sách và pháp luật

Là doanh nghiệp hoạt động đa ngành, VHG đã thực hiện niêm yết trên sở GDCK TP. Hồ Chí Minh nên Công ty phải công bố minh bạch các thông tin tới các cổ đông và nhà đầu tư... Tuy nhiên, với chính sách vĩ mô thiếu nhất quán, luôn thay đổi, hệ thống pháp luật Việt Nam đang trong quá trình hoàn thiện, chưa đồng bộ và chưa hòa nhập với hệ thống luật và thông lệ quốc tế nên đã ảnh hưởng không nhỏ đến định hướng chiến lược phát triển của các doanh nghiệp.

Để kiểm soát rủi ro về mặt luật pháp, Công ty đã cập nhật những thay đổi trong môi trường luật pháp liên quan đến hoạt động của Công ty, từ đó đưa ra kế hoạch phát triển kinh doanh phù hợp. Để ngăn chặn các phát sinh theo hướng tiêu cực, VHG đã xây dựng một hệ thống quản trị nội bộ chuẩn mực và tuân thủ các quy định của pháp luật là biện pháp Công ty đã lựa chọn và theo đuổi.

3. Rủi ro của đợt chào bán và của dự án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán

Rủi ro của đợt chào bán

Với những kết quả kinh doanh đã đạt được trong những năm qua cùng với tiềm năng, triển vọng phát triển của Công ty trong thời gian tới, cổ phiếu VHG sẽ thu hút sự quan tâm của các nhà đầu tư. Nền kinh tế Việt Nam đang có những phục hồi tích cực, do vậy, xu hướng tăng của thị trường chứng khoán trong trung và dài hạn là khá cao. Bên cạnh đó, mức giá phát hành cho cổ đông hiện hữu là 10.000 VNĐ/cổ phiếu thấp hơn so với giá trị sổ sách cũng như



thị giá của cổ phiếu. Ngoài ra, khối lượng cổ phiếu giao dịch trung bình 3 tháng (từ ngày 15/10/2014 đến ngày 13/01/2015) của VHG trên 5,7 triệu cổ phiếu/phiên, điều này cho thấy VHG đang được các cổ đông và nhà đầu tư rất quan tâm.

Trong trường hợp cổ phiếu không được mua hết, số tiền thu về không đủ để tài trợ cho mục đích chào bán, Công ty sẽ sử dụng nguồn vốn vay để bổ sung. Ngoài ra, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện phân phối số cổ phiếu này cho các đối tượng khác mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp với điều kiện giá bán không thấp hơn giá bán cho cổ đông hiện hữu và đảm bảo tuân thủ đúng các quy định của pháp luật.

Rủi ro của dự án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán

Dự kiến số tiền thu được từ đợt chào bán được sử dụng để tăng vốn phục vụ mục đích thực hiện đầu tư, liên doanh liên kết, hợp tác với các công ty có tiềm năng trong cùng lĩnh vực, đầu tư vào công ty con, bổ sung vốn lưu động... Theo đó, tính rủi ro được đánh giá là không cao, chủ yếu đến từ hiệu quả hoạt động của Công ty trong tương lai.

Rủi ro pha loãng

Sau khi VHG chào bán cổ phiếu tăng vốn điều lệ, số lượng cổ phiếu lưu hành trên thị trường của VHG cũng tăng lên tương ứng.

- Tổng số cổ phiếu lưu hành hiện tại: 75.000.000 cổ phiếu
- Tổng số cổ phiếu chào bán: 75.000.000 cổ phiếu trong đó:
 Chào bán cho cổ đông hiện hữu 75.000.000 cổ phiếu
- Tổng số cổ phiếu lưu hành sau khi chào bán dự kiến: 150.000.000 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu lưu hành của VHG tăng lên dẫn đến một số ảnh hưởng pha loãng cổ phiếu như sau:

Thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phần (EPS): thu nhập trên mỗi cổ phiếu sẽ giảm xuống trong ngắn hạn do lợi nhuận của Công ty chưa có thay đổi trong khi đó khối lượng cổ phiếu lưu hành sau khi chào bán lớn hơn so với trước khi chào bán. Tuy nhiên, do lợi nhuận của Công ty có độ trễ khi dòng tiền từ đợt chào bán chưa tạo ra hiệu quả ngay trong ngắn hạn. Do đó, trong trung và dài hạn, khi các dự án thực hiện đầu tư sinh lời cho Công ty, mức EPS sẽ có thể dần tăng trở lại mức ban đầu hoặc cao hơn nếu các dự án phát triển tốt.

Công thức tính

$$\text{EPS} = \frac{\text{Lãi phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông}}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ}}$$

Trong đó:

$$\begin{matrix} \text{Số lượng cổ phiếu đang} \\ \text{lưu hành bình quân trong kỳ} \end{matrix} = \frac{\text{A*12} + \text{B*T}}{12}$$



- A: Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành trước khi phát hành
- B: Khối lượng cổ phiếu phát hành thêm
- T: Thời gian lưu hành thực tế trong năm của cổ phiếu phát hành thêm (*tháng*)

Giả sử, ngày hoàn tất đợt chào bán này của Cao su Quảng Nam là 30/06/2015. Khi đó:

$$\begin{aligned} \text{Số lượng cổ phiếu} & & & 75.000.000 \cdot 12 + 75.000.000 \cdot 6 \\ \text{đang lưu hành bình} & = & \frac{\quad}{12} & = & 112.500.000 \text{ cổ phiếu} \\ \text{quân trong kỳ} & & & & \end{aligned}$$

Lợi nhuận sau thuế năm 2015 theo kế hoạch của Công ty là 225 tỷ đồng.

Khi đó:

$$\begin{aligned} \text{EPS năm 2015 (dự kiến) trước} & & & 225.000.000.000 \\ \text{khi pha loãng} & = & \frac{\quad}{75.000.000} & = & 3.000 \text{ đồng/cổ phần} \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{EPS năm 2015 (dự kiến) sau} & & & 225.000.000.000 \\ \text{khi pha loãng} & = & \frac{\quad}{112.500.000} & = & 2.000 \text{ đồng/cổ phần} \end{aligned}$$

Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần (BV)

Công thức tính:

$$\begin{aligned} \text{Giá trị sổ sách trên} & & & \text{Vốn chủ sở hữu} \\ \text{mỗi cổ phần} & = & \frac{\quad}{\text{Khối lượng cổ phiếu đã phát hành - Cổ phiếu quỹ}} \\ & = & \frac{835.030.288.217}{75.000.000} & = & 11.126 \text{ đồng/CP} \end{aligned}$$

Tại thời điểm 31/12/2014, giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần của công ty mẹ VHG là 11.126 đồng/cổ phần. Tại thời điểm kết thúc đợt chào bán, nếu tốc độ tăng vốn chủ sở hữu thấp hơn tốc độ tăng số lượng cổ phần sau đợt phát hành thì giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần sẽ giảm. Nếu đợt phát hành thành công và VHG hoàn thành chỉ tiêu lợi nhuận, giá trị sổ sách của VHG tại thời điểm cuối năm 2015 sẽ tăng nhẹ so với thời điểm cuối năm 2014.

Giá trị thị trường của cổ phiếu

Tại khoảng thời gian chốt danh sách thực hiện chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu (ngày giao dịch không hưởng quyền), thị giá của cổ phiếu VHG sẽ được điều chỉnh theo công thức sau:

$$\begin{aligned} P_{pl} &= \frac{P_t + Pr1 * I1}{1 + I1} \\ &= \frac{20.000 + [10.000 * (1/1)]}{1 + 1} = 15.000 \text{ đồng/cổ phần} \end{aligned}$$

Trong đó:

- Ppl: là giá cổ phiếu pha loãng;
- Pt: 20.000 đồng/cổ phần (Giá giả định của VHG tại ngày trước ngày giao dịch không hưởng quyền);
- Pr1: 10.000 đồng/cổ phần (Giá phát hành đối với quyền mua cổ phiếu)
- I1: 1/1 (Tỷ lệ thực hiện quyền mua cổ phiếu – sở hữu 01 (một) cổ phần được quyền mua 01 (một) cổ phiếu phát hành thêm).

Tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết

Tỷ lệ nắm giữ cũng như quyền biểu quyết của cổ đông sẽ bị giảm khi cổ đông từ chối quyền mua trong đợt phát hành này (so với thời điểm trước ngày chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm mà cổ đông có). Tuy nhiên, tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết vẫn không thay đổi khi các cổ đông thực hiện đầy đủ quyền mua theo đúng tỷ lệ.

Các rủi ro từ việc pha loãng cổ phiếu nêu trên không phải bao giờ cũng xảy ra đồng thời và chúng cũng không liên hệ trực tiếp với nhau. Tuy nhiên, những rủi ro này ít nhiều cũng sẽ có thể có những tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến lợi ích của những nhà đầu tư sở hữu cổ phiếu của VHG, vì vậy nhà đầu tư cần có những đánh giá cẩn trọng về vấn đề này.

4. Rủi ro đặc thù

Lĩnh vực cao su

Việt Nam là nước có điều kiện tự nhiên thuận lợi cho cây cao su sinh trưởng và phát triển. Với diện tích trồng cao su rộng lớn, trong những năm trở lại đây, Việt Nam đã đặt chân vào nhóm các nước sản xuất và xuất khẩu cao su lớn nhất thế giới. Hiện nay, Việt Nam là một trong năm nước xuất khẩu cao su trên thế giới, năng suất cao su của Việt Nam hiện xếp thứ hai thế giới và thứ tư về sản lượng.

Trong những năm trở lại đây, do sự ảnh hưởng của suy thoái kinh tế toàn cầu, nguồn cầu cao su đã giảm đặc biệt là tại thị trường Trung Quốc, nơi mà tiêu thụ hơn 30% sản lượng cao su trên toàn thế giới. Bên cạnh đó, nguồn cung cao su vẫn tiếp tục tăng lên tại các nước Đông Nam Á như Việt Nam, Lào, Campuchia.... Nhu cầu tiêu thụ tăng chậm trong khi nguồn cung tăng nhanh, làm lượng tồn kho quá cao, tạo áp lực đẩy giá cao su giảm liên tục từ 2012 sang 2014.



Tuy nhiên, Theo nhận định của Hiệp hội cao su, nhu cầu cao su của thế giới đang tăng trưởng trở lại theo đà phục hồi của nền kinh tế thế giới, được dự báo sẽ từ 11,4 triệu tấn năm 2013 lên 15,0 - 15,5 triệu tấn năm 2020, tiếp tục tạo cơ hội cho người trồng phát triển cây cao su lâu dài.

Ngoài ra, cây cao su còn chịu tác động mạnh mẽ của thời tiết, khí hậu. Trong trường hợp thời tiết xấu như mưa lớn kéo dài hoặc hạn hán có thể làm ảnh hưởng đến sản lượng vườn cao su do phát sinh dịch bệnh, úng ngập dẫn đến năng suất kém và ảnh hưởng tới doanh thu, lợi nhuận của công ty. Tuy nhiên, do vị trí khu vực trồng cao su của Công ty cổ phần Đầu tư Cao su Quảng Nam nằm phía sau dãy núi Bà Nà nên đã hạn chế đáng kể ảnh hưởng của bão, diện tích cao su bị ảnh hưởng rất thấp.

Lĩnh vực hạ tầng

Các dự án hạ tầng thường được triển khai với thời gian dài, quy mô lớn. Chính vì vậy, với những dự án có nguồn tài chính không ổn định, cân đối sẽ dẫn tới những vấn đề như chậm tiến độ, chủ đầu tư không đủ năng lực tài chính để thanh toán cho các nhà thầu. Điều này đã ảnh hưởng xấu tới hoạt động của các đơn vị xây lắp hay cung cấp vật liệu xây dựng do tình trạng nợ đọng kéo dài, gây áp lực lên nguồn vốn đầu tư, lãi vay hay tình hình thanh khoản của các công ty xây lắp. Với nguồn vốn từ phát hành cổ phiếu, VHG sẽ tự chủ được nguồn tài chính, nâng cao năng lực tài chính trong lĩnh vực hạ tầng.

5. Rủi ro khác

Giá cổ phiếu của Công ty không thể không tránh khỏi những biến động chung của thị trường chứng khoán Việt Nam và thị trường chứng khoán thế giới. Đặc biệt khi cổ phiếu đã được niêm yết, các yếu tố trên càng trở nên khá nhạy cảm và ảnh hưởng trực tiếp đến giá giao dịch cổ phiếu của Công ty.

Bên cạnh đó, hoạt động kinh doanh của Công ty có thể chịu ảnh hưởng bởi những rủi ro khác như rủi ro do thiên tai, sự ảnh hưởng những biến động chính trị, xã hội trên thế giới, chiến tranh... Nếu xảy ra, những rủi ro đó sẽ có thể gây thiệt hại về con người, tài sản của Công ty hoặc làm cho số lượng khách hàng của Công ty bị giảm sút và các thị trường tiềm năng có thể mất ổn định. Những rủi ro này dù ít hay nhiều cũng sẽ có những tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.



II. Những người chịu trách nhiệm đối với nội dung bản cáo bạch

1. Tổ chức phát hành

Ông	Trần Xuân Hiếu	<i>Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc</i>
Ông	Lê Khiếu Phương	<i>Kế toán trưởng</i>

Chúng tôi bảo đảm rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế về tài sản, tình hình, kết quả và triển vọng kinh doanh của Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Quảng Nam.

2. Tổ chức tư vấn

Đại diện tổ chức tư vấn:	Ông Vũ Hồng Sơn
Chức vụ:	Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc

Bản cáo bạch này là một phần của Hồ sơ chào bán cổ phiếu ra công chúng do Công ty Chứng khoán Đại Dương tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Quảng Nam.

Chúng tôi bảo đảm rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Quảng Nam cung cấp.



III. Các khái niệm

Trong Bản cáo bạch này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- Tổ chức chào bán: Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Quảng Nam
- Bản cáo bạch: Bản công bố thông tin của Công ty về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh nhằm cung cấp thông tin cho nhà đầu tư đánh giá và đưa ra các quyết định đầu tư chứng khoán.
- Điều lệ: Điều lệ của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Quảng Nam thông qua.
- Vốn điều lệ: Là số vốn do tất cả các cổ đông góp và được ghi vào Điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Quảng Nam.
- Cổ phần: Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau.
- Cổ phiếu: Chứng chỉ do Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Quảng Nam phát hành xác nhận quyền sở hữu của một hoặc một số cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Quảng Nam.
- Người có liên quan: Cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau trong trường hợp sau đây:
- Công ty mẹ và công ty con (nếu có).
 - Công ty và người hoặc nhóm người có khả năng chi phối việc ra quyết định, hoạt động của công ty đó thông qua các cơ quan quản lý công ty.
 - Công ty và những người quản lý công ty.
 - Nhóm người thỏa thuận cùng phối hợp để thâm tóm phần vốn góp, cổ phần hoặc lợi ích ở công ty hoặc để chi phối việc ra quyết định của Công ty.
 - Bố, bố nuôi, mẹ, mẹ nuôi, vợ, chồng, con, con nuôi, anh, chị em ruột của người quản lý công ty, thành viên công ty, cổ đông có cổ phần chi phối.

Ngoài ra, những thuật ngữ khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006 của Quốc hội, Luật Chứng khoán sửa đổi số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010 và Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 của Chính phủ, có hiệu lực từ ngày 15/09/2012 và các văn bản pháp luật khác có liên quan.



Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong Bản cáo bạch này có nội dung như sau:

BCTC:	Báo cáo tài chính
BĐS:	Bất động sản
BKS:	Ban kiểm soát
CBNV:	Cán bộ nhân viên
Công ty/ VHG/Cao su Quảng Nam:	Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Quảng Nam
CP:	Cổ phần
DTT:	Doanh thu thuần
ĐHĐCĐ:	Đại hội đồng cổ đông
ĐKKD:	Đăng ký kinh doanh
HĐ:	Hợp đồng
HĐQT:	Hội đồng quản trị
HSX:	Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
LN:	Lợi nhuận
LNTT:	Lợi nhuận trước thuế
PR:	Công tác truyền thông và quan hệ công chúng
Thuế TNDN:	Thuế thu nhập doanh nghiệp
TNCN:	(thuế) Thu nhập cá nhân
TNDN:	(thuế) Thu nhập Doanh nghiệp
TNHH:	Trách nhiệm hữu hạn
TSCĐ:	Tài sản cố định
UBCKNN:	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
UBND:	Ủy ban nhân dân
USD:	Đô la Mỹ
VĐL:	Vốn điều lệ
VND:	Đồng Việt Nam
VSD:	Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam



QUANGNAM

IV. Tình hình và đặc điểm của tổ chức chào bán

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1 Một số thông tin cơ bản về Công ty

Tên Công ty:	Công ty Cổ phần đầu tư Cao su Quảng Nam
Tên tiếng Anh:	Quang Nam Rubber Investment Joint Stock Company
Tên viết tắt:	Quang Nam Rubber Investment JSC
Trụ sở chính:	Thôn Phú Sơn, Xã Ba, Huyện Đông Giang, Tỉnh Quảng Nam
Điện thoại:	0510.3947 234
Fax:	0510.3946 333
Website:	www.qnr.vn

Logo Công ty:



QUANGNAM

Giấy chứng nhận ĐKKD:	Số 4000386181 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp, đăng ký lần đầu ngày 14/07/2003; đăng ký thay đổi lần 14 ngày 24/09/2014
Vốn điều lệ đăng ký:	750.000.000.000 đồng (Bảy trăm năm mươi tỷ đồng)
Vốn điều lệ thực góp:	750.000.000.000 đồng (Bảy trăm năm mươi tỷ đồng)

Ngành nghề kinh doanh chính

- Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học;
- Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện (Chi tiết: thủy điện, sản xuất điện khác (điện phong...));
- Sản xuất sản phẩm từ plastic (Chi tiết: sản xuất ống nhựa cứng, ống nhựa mềm);
- Xây dựng công trình dân dụng, giao thông, kỹ thuật;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;



- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Trồng cây cao su;
- Khai thác gỗ;
- Khai thác quặng đồng;
- Khai thác quặng sắt;
- Sản xuất linh kiện điện tử (Chi tiết: sản xuất các thiết bị điện thoại);
- Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông (Chi tiết: bán buôn các thiết bị điện tử, viễn thông, thiết bị điện tử điều khiển, thiết bị phát sóng, linh kiện điện thoại);
- Trồng rừng và chăm sóc rừng lấy gỗ;
- Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác;
- Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao;
- Sản xuất sản phẩm khác từ plastic;
- Sản xuất bột giấy, giấy và bì;
- Sản xuất sản phẩm chịu lửa;
- Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Sản xuất cao su tổng hợp dạng nguyên sinh;
- Sản xuất kim loại màu và kim loại quý;
- Bán buôn thiết bị điện lạnh, điện cơ;
- Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ;
- Bán buôn giấy các loại;
- Hoạt động viễn thông có dây;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
- Hoạt động viễn thông không dây;
- Tìm kiếm, thăm dò, khai thác khoáng sản (trừ khoáng sản cấm).



1.2 Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

- Năm 2003: Ngày 14/07/2003 Công ty cổ phần Đầu tư & Sản xuất Việt-Hàn (VHG) được thành lập.
- Năm 2004: Sản phẩm cáp đồng với thương hiệu VIET-HAN CABLE
- Năm 2005: Tháng 09/2005, xuất lô hàng cáp viễn thông đầu tiên
- Năm 2006: Sản xuất cáp viễn thông có dung lượng 2.400 đôi, trở thành nhà sản xuất cáp có dung lượng lớn nhất Việt Nam
- Năm 2007:
 - Nhà máy cáp viễn thông đạt công suất 3.000.000 km đôi/năm
 - Khánh thành giai đoạn 1 nhà máy dây và cáp điện (VPC)
 - Khánh thành nhà máy cáp quang (OFC)
 - Mua lại CTCP nhựa Việt-Hàn, đầu tư NM sản xuất các sản phẩm từ cốt sợi thủy tinh.
 - Indochina Capital thành nhà đầu tư chiến lược và Vinacapital là cổ đông lớn của VHG
 - PhonVinh Corp và Handic hợp tác toàn diện với VHG
 - VNR-Top 500 Company xếp VHG nằm trong Top 500 DNTN lớn nhất Việt Nam
- Năm 2008
 - Tháng 01/2008: 28/01, cổ phiếu VHG thức giao dịch trên sàn HOSE
 - Tháng 03/2008: Khánh thành nhà máy sản xuất sản phẩm từ cốt sợi thủy tinh FRP
 - Tháng 04/2008: Đầu tư nhà máy công nghệ vật liệu tại Quảng Nam (VMC)
 - Tháng 05/2008: Hoàn tất dự án đầu tư giai đoạn 2 cho Nhà máy VPC và VPF
 - Tháng 11/2008: Triển khai dự án trồng 4.115 ha cao su tại Quảng Nam
 - Tháng 12/2008: Sở hữu đất dự án cao ốc tại 09 Lê Duẩn, 02 Yên Bái, Tp.Đà Nẵng
 - VNR-Top 500 Company tiếp tục xếp VHG trong Top 500 DNTN lớn nhất Việt Nam
- Năm 2009
 - Tháng 05/2009: Khánh thành nhà máy sản xuất vật liệu (VMC) công suất 80 triệu SP/năm
 - Tháng 10/2009: UBND Tp Đà Nẵng quyết định phê duyệt QH 1:500 cho dự án D'evelyn tower.
 - Tháng 11/2009: Sản xuất thành công sản phẩm FRP có đường kính trên 4m, dung tích 150m³



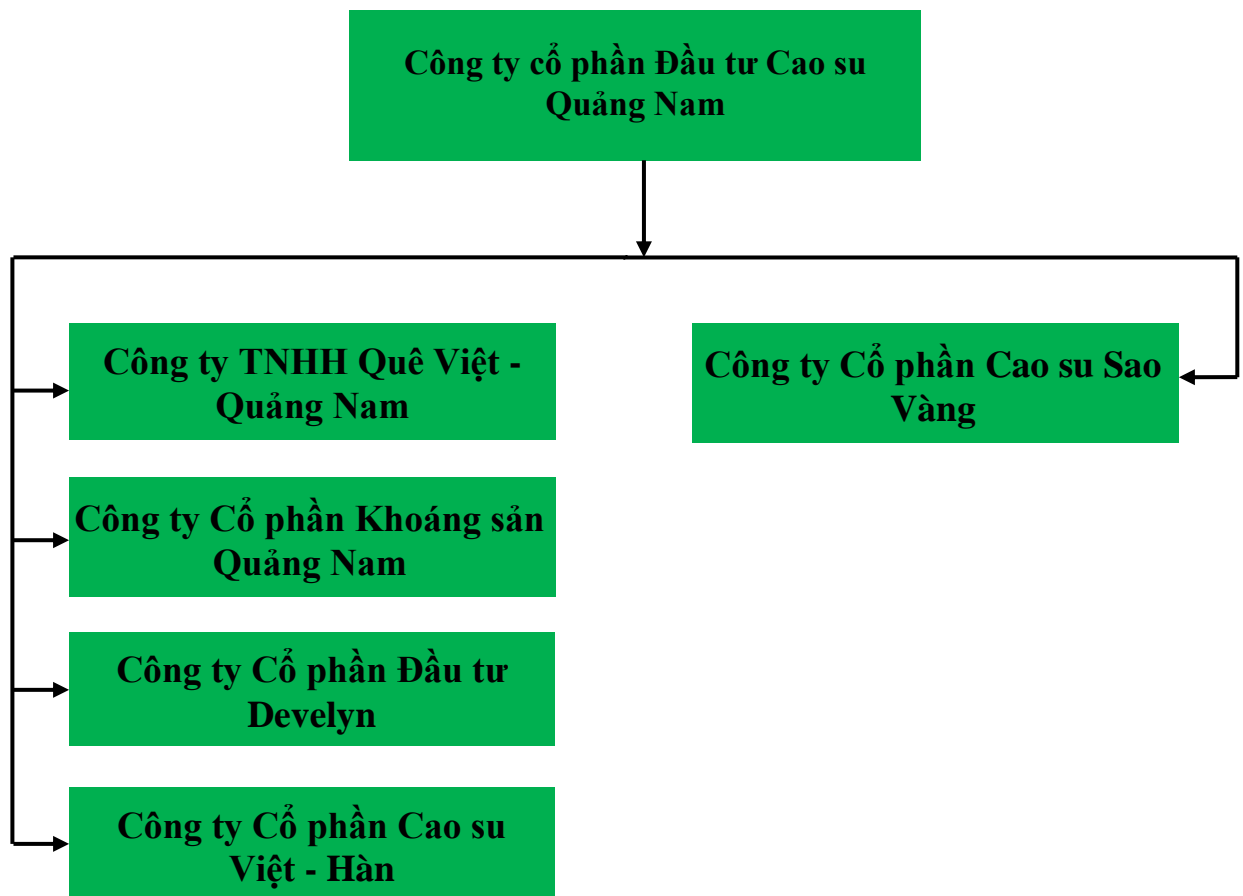
- Năm 2010
 - Tháng 02/2010: Thay đổi chiến lược phát triển của VHG một cách cơ bản, theo đó thống nhất xây dựng VHG phát triển xoay quanh trục ngành nghề với thứ tự ưu tiên là Bất động sản, hạ tầng công nghiệp dịch vụ - Trồng và chế biến cao su - Sản xuất vật liệu XD cơ bản - Đầu tư khai thác chế biến kim loại màu..
 - Tháng 06/2010: Nghiên cứu mở rộng thêm 9.000 ha trồng cây cao su tại tỉnh Quảng Nam
 - Tháng 09/2010: Triển khai các hạng mục thí nghiệm để hoàn chỉnh TKKTTC và chuẩn bị cho việc khởi công cao ốc D'everlyn tại 09 Lê Duẩn Tp Đà Nẵng
 - Tháng 11/2010: chia tách nhà máy nhựa và sản xuất các sản phẩm từ cốt sợi thủy tinh (VPF) thành hai nhà máy (1) Nhà máy vật liệu Composit VCC (2) Nhà máy ống nhựa VPP; nhằm tập trung cho sự phát triển chiều sâu của 2 dòng sản phẩm này.
 - Tháng 12/2010: Đầu tư vào dự án bất động sản nghỉ dưỡng khu vực biển Non nước (Đà Nẵng - Quảng Nam) với quy mô 5,3 ha
- Năm 2011
 - Tháng 1/2011: Hoàn thành đầu tư nâng cấp mở rộng nhà máy composite.
 - Tháng 07/2011: VHG được cấp phép đầu tư mở rộng dự án trồng và chế biến cao su tại Đông Giang tỉnh Quảng Nam từ 4.115 ha lên 13.300 ha.
 - Tháng 08/2011: Công ty Quê Việt Quảng Nam – Công ty con của VHG được cấp phép đầu tư khu nghỉ dưỡng biển cao cấp tại khu vực Non Nước – Hội An trên diện tích 5,3 ha.
- Năm 2012
 - Tháng 06/2012: Thành viên Hiệp hội cao su Việt Nam.
- Năm 2013
 - Thực hiện tái cơ cấu toàn bộ hoạt động của Công ty, tăng vốn điều lệ lên mức 375 tỷ đồng.
- Năm 2014
 - Quy hoạch lại các diện tích cao su tiểu điền và cao su nông trường quy mô lớn; triển khai các hoạt động hỗ trợ định hướng phát triển công nghiệp chế biến sâu cao su.
 - Tháng 09/2014, Công ty tái cấu trúc đổi tên thành **Công ty cổ phần Đầu tư Cao su Quảng Nam**, nâng vốn điều lệ lên 750 tỷ đồng. Nguồn vốn huy động được tập trung triển khai các dự án: trồng và khai thác 13.300 ha diện tích cao su tại tỉnh Quảng Nam; dự án khu nghỉ dưỡng khu vực biển Non Nước (Đà Nẵng - Quảng Nam) với quy mô 5,3 ha; dự án cao ốc tại 09 Lê Duẩn, 02 Yên Bái, Tp.Đà Nẵng...



QUANGNAM

2. Cơ cấu tổ chức Công ty

Hình 3: Sơ đồ tổ chức của Công ty



a. Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Quảng Nam

- Địa chỉ: Thôn Phú Sơn, Xã Ba, Huyện Đông Giang, Tỉnh Quảng Nam
- Điện thoại: 84 5103 946 345 Fax: 84 5103 964 333
- Vốn điều lệ: 750.000.000.000 VNĐ (Bảy trăm năm mươi tỷ đồng)

b. Các công ty con

❖ Công ty TNHH Quê Việt – Quảng Nam

- Địa chỉ: Khu B, Lô 4, KCN Điện Nam – Điện Ngọc, Huyện Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam
- Giá trị vốn góp của VHG là 120.500.000.000 đồng, tỷ lệ phần sở hữu 85,5%

❖ Công ty cổ phần Khoáng sản Quảng Nam (trước đây là CTCP Khoáng sản Việt Hàn đã được đổi tên theo Giấy chứng nhận ĐKDN số 4000931129 đăng ký thay đổi lần 2 ngày 12/02/2015)

- Địa chỉ: Lô 4, Khu Công nghiệp Điện Nam – Điện Ngọc, Quảng Nam
- Giá trị vốn góp của VHG là 60.000.000.000 đồng, tỷ lệ phần sở hữu 75%

❖ **Công ty cổ phần Cao su Việt - Hàn**

- Địa chỉ: Thôn Phú Sơn, Xã Ba, Huyện Đông Giang, Tỉnh Quảng Nam
- Giá trị vốn góp của VHG là 160.600.000.000 đồng, tỷ lệ phần sở hữu 95%

❖ **Công ty cổ phần Đầu tư Develyn**

- Địa chỉ: Số 09 Lê Duẩn, phường Hải Châu 1, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng
- Giá trị vốn góp của VHG là 89.000.000.000 đồng, tỷ lệ phần sở hữu 89%

c. Các công ty liên kết

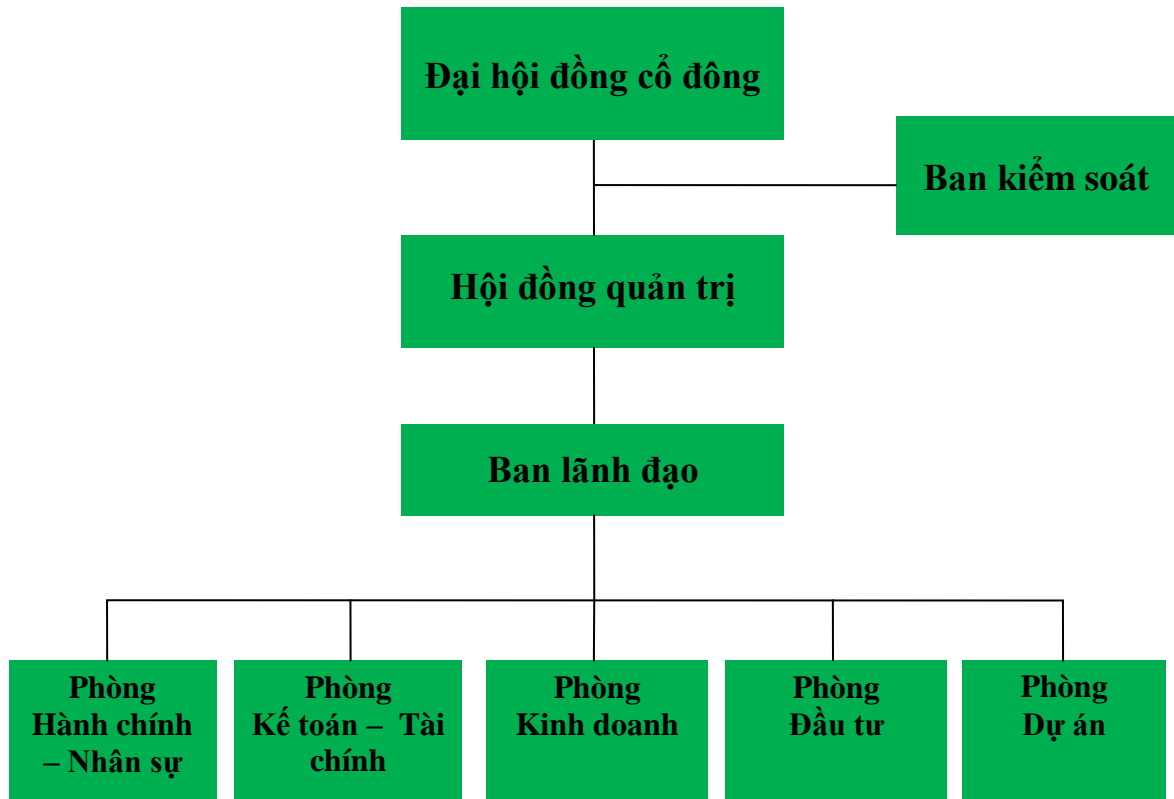
❖ **Công ty cổ phần Cao su Sao Vàng**

- Địa chỉ: 231 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội
- Vốn điều lệ: 182.249.940.000 (Một trăm tám mươi hai tỷ hai trăm bốn mươi chín triệu chín trăm bốn mươi nghìn đồng)
- Tỷ lệ nắm giữ của Cao su Quảng Nam: 20%

3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

Hiện tại, Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Quảng Nam đang áp dụng theo mô hình tổ chức của công ty cổ phần. Mô hình quản trị này được xây dựng dựa trên mục tiêu phát triển chiến lược kinh doanh của Công ty, tuân thủ theo các quy định của Pháp luật Việt Nam và các quy định tại Điều lệ Công ty. Qua quá trình phát triển và ngày càng kiện toàn bộ máy quản lý, hiện bộ máy quản lý của Công ty có cơ cấu tổ chức như sau:

Hình 4: Sơ đồ bộ máy quản lý của Công ty



Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên thường niên hàng năm, trong thời hạn 4 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Đại hội đồng cổ đông quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định. Các cổ đông sẽ thông qua báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát của Công ty.

Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty có quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hiện tại Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần Đầu tư Cao su Quảng Nam có 05 thành viên.

HĐQT có trách nhiệm giám sát Giám đốc và những cán bộ quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do luật pháp và Điều lệ Công ty, các Quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ quy định.



Ban kiểm soát

Là cơ quan trực thuộc Đại hội cổ đông do Đại hội cổ đông bầu ra. Ban Kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban lãnh đạo. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong hoạt động quản lý của HĐQT, hoạt động điều hành kinh doanh của Ban lãnh đạo, trong ghi chép sổ sách kế toán và Báo cáo tài chính của Công ty. Hiện tại, Ban Kiểm soát của Công ty gồm 03 thành viên do ĐHĐCĐ bầu ra và bãi miễn.

Ban lãnh đạo

Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, là người điều hành và quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tổng Giám đốc có các quyền và nhiệm vụ sau:

- Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty;
- Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà công ty cần thuê để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết nhằm áp dụng các hoạt động cũng như các cơ cấu quản lý tốt do Hội đồng quản trị đề xuất, và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;
- Thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua;
- Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
- Các quyền và nhiệm vụ khác theo Điều lệ Công ty.

Các phòng ban chức năng

Phòng Hành chính – Nhân sự

Phòng Hành chính – Nhân sự thực hiện các chức năng:

- Phát triển nguồn nhân lực; Tham mưu cho Ban lãnh đạo Công ty xây dựng kế hoạch phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu hoạt động đầu tư, kinh doanh của Công ty; Tham mưu cho Ban lãnh đạo Công ty về cơ cấu tổ chức, bộ máy, sắp xếp và sử dụng nguồn nhân lực của Công ty;
- Tuyển dụng, đào tạo, phát triển nhân lực;
- Thực hiện các chính sách tiền lương và chính sách đào tạo lao động;
- Xây dựng quy trình đánh giá xếp loại người lao động; xây dựng các nội quy, quy chế, điều lệ công ty và các văn bản, tài liệu khác phục vụ công tác quản lý của Công ty; Đánh giá kết quả công việc của nhân viên;



- Giám sát thực thi các chính sách và nội quy lao động ở Công ty;
- Hỗ trợ các phòng ban công việc hậu cần;
- Mua sắm các thiết bị, dụng cụ văn phòng;
- Quản lý trang thiết bị, tài sản, công cụ lao động, phương tiện làm;
- Tổ chức và thực hiện các hoạt động phong trào.

Phòng Kế toán – Tài chính

Phòng Kế toán – Tài chính thực hiện các chức năng:

- Tổ chức hạch toán, làm các báo cáo gửi cơ quan Nhà nước;
- Tuân thủ luật pháp về kế toán và các nghĩa vụ với Nhà nước về Thuế;
- Kiểm tra, kiểm soát, giám sát quá trình phân phối sử dụng vốn, tài sản đảm bảo đúng chế độ quản lý hiện hành của Nhà nước và theo quy định của Công ty;
- Xây dựng chiến lược kinh doanh của Công ty; trong việc đưa ra các quyết định đầu tư, tìm nguồn vốn cho các dự án đầu tư. Thực hiện việc đảm bảo nhu cầu vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh, cân đối chi phí và nguồn thu để đảm bảo khả năng thanh toán của Công ty cũng như sử dụng vốn hiệu quả;
- Phối hợp với các phòng ban lập kế hoạch nhu cầu vốn sản xuất kinh doanh hàng tháng, quý, năm. Chịu trách nhiệm triển khai thực hiện kế hoạch nhu cầu vốn sản xuất kinh doanh;
- Quản lý dòng tiền của Công ty; Tìm nguồn vốn cho Công ty.

Phòng kinh doanh

Phòng Kinh doanh thực hiện các chức năng:

- Xây dựng định hướng, chiến lược tổng thể cho các hoạt động kinh doanh, phân phối sản phẩm của Công ty;
- Tìm kiếm các cơ hội kinh doanh, bán hàng;
- Quản lý, khai thác và cung ứng vật tư, thiết bị phục vụ cho các hợp đồng do Công ty thực hiện và phục vụ cung cầu thị trường. Phối hợp cùng các phòng chức năng khác kiểm tra về số lượng, chất lượng, giá cả các loại vật tư thiết bị sử dụng vào các dự án, hợp đồng trong toàn Công ty.
- Tổng hợp số liệu, báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh tháng, quý, năm; Phân tích đánh giá kết quả hoạt động kinh tế theo tháng, quý, năm;
- Phối hợp với các phòng ban cùng hoàn thành công việc được giao.

Phòng Đầu tư

Phòng Đầu tư thực hiện các chức năng



- Nghiên cứu xây dựng chiến lược về lĩnh vực đầu tư của Công ty, tìm kiếm các cơ hội đầu tư cho các dự án; Xây dựng các chương trình mục tiêu, lập báo cáo đầu tư cho các dự án chuẩn bị đầu tư để trình Ban lãnh đạo công ty phê duyệt dự án theo thẩm quyền; tham mưu cho Ban lãnh đạo trong việc xúc tiến tìm, chọn các nguồn vốn đầu tư;
- Tham mưu trong việc bảo toàn phát triển vốn và theo dõi quản lý các nguồn vốn đầu tư vào các dự án của Công ty;
- Phối hợp với Phòng Hành chính, phòng Kế toán tham mưu cho Ban lãnh đạo Công ty trong việc bố trí vốn, kế hoạch vốn, cấp vốn, theo dõi và đối chiếu nợ với các đơn vị thi công;
- Thẩm định hiệu quả đầu tư và trình Ban lãnh đạo quyết định đầu tư theo thẩm quyền;
- Các công việc khác theo sự điều hành của Giám đốc Công ty.

Phòng Dự án

Phòng Dự án thực hiện các chức năng

- Tổ chức các hoạt động liên quan đến việc thực hiện dự án đầu tư của Công ty;
- Thực hiện chức năng quản lý dự án đối với các dự án công ty làm chủ đầu tư hoặc các hợp đồng có liên quan đến tư vấn quản lý dự án như: tổ chức quản lý chi phí của dự án; tổ chức quản lý tiến độ thực hiện của dự án; tổ chức quản lý chất lượng của dự án;
- Tham mưu cho Giám đốc các vấn đề liên quan đến quản lý dự án mà Công ty làm chủ đầu tư hoặc các hợp đồng liên quan đến tư vấn quản lý dự án;
- Tổ chức thi công dự án theo hình thức chủ đầu tư tự thực hiện (nếu có) nếu việc tự thực hiện mang lại hiệu quả cao hơn so với các hình thức khác;
- Thẩm định và trình Ban lãnh đạo công ty phê duyệt thiết kế và điều chỉnh thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, và dự toán các công trình, hạng mục công trình của dự án do công ty làm chủ đầu tư.
- Thực hiện các thủ tục đầu tư đối với các trường hợp đầu tư góp vốn trực tiếp vào các dự án; phối hợp với các đơn vị đối tác tiến hành thủ tục thành lập doanh nghiệp đối với trường hợp đầu tư góp vốn thành lập doanh nghiệp. Theo dõi quá trình đầu tư, sử dụng vốn đầu tư;
- Tổ chức thực hiện giám sát thi công và lắp đặt thiết bị các dự án (nếu có);

4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông tại thời điểm ngày 15/10/2014

4.1 Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty và những người có liên quan: không có.

4.2 Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 15/10/2014

**Bảng 1: Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 15/10/2014**

STT	Cổ đông	Số lượng (người)	Số cổ phần (cổ phần)	Giá trị theo mệnh giá (VND)	Tỷ lệ (%)
I	Cổ đông trong nước	2.895	74.226.420	742.264.200.000	98,87%
1	Cổ đông tổ chức	18	15.693.024	156.930.024.000	20,92%
	<i>Trong đó: Nhà nước</i>	0	0	0	0
2	Cổ đông cá nhân	2.877	58.533.396	585.333.960.000	78,04%
II	Cổ đông nước ngoài	40	773.580	7.735.800.000	1,03%
1	Cổ đông tổ chức	5	496.025	4.960.250.000	0,66%
2	Cổ đông cá nhân	35	227.555	2.275.550.000	0,37%
	Tổng cộng	2.935	75.000.000	750.000.000.000	100%

Nguồn: Công ty Đầu tư Cao su Quảng Nam

5. Danh sách công ty mẹ và Công ty con của tổ chức chào bán, những công ty mà tổ chức chào bán đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức chào bán.

- Công ty mẹ của Công ty: Không có
- Công ty mà tổ chức chào bán đang nắm giữ quyền kiểm soát/cổ phần chi phối: Không có
- Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức chào bán: Không có
- Công ty con:
 - Công ty TNHH Quê Việt – Quảng Nam
 - + Địa chỉ: Khu B, Lô 4, KCN Điện Nam – Điện Ngọc, Huyện Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam.
 - + Ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh bất động sản; Xây dựng công trình; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động
 - + Giá trị vốn góp của VHG là 120.500.000.000 đồng, tỷ lệ phần sở hữu 85,5%
 - Công ty Cổ phần Khoáng sản Quảng Nam
 - + Hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4000931126 ngày 30/05/2013 và Chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 2 ngày 12/02/2015.



- + Địa chỉ trụ sở chính: Khu B, Lô 4 KCN Điện Nam Điện Ngọc, Tỉnh Quảng Nam.
- + Lĩnh vực kinh doanh: Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt, vận tải hàng hóa đường thủy nội địa, khai thác đá, cát, sỏi, đất sét, khai thác quặng sắt, sản xuất vật liệu từ đất sét.
- + Giá trị vốn góp của VHG là 60.000.000.000 đồng, tỷ lệ phần sở hữu 75%
- **Công ty Cổ phần Cao su Việt Hàn**
 - + Hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4000939100 ngày 30/09/2013
 - + Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Phú Sơn, Xã Ba, Huyện Đông Giang, Tỉnh Quảng Nam
 - + Lĩnh vực kinh doanh: Trồng cây cao su, trồng rừng, chăm sóc rừng, khai thác gỗ và lâm sản khác, dịch vụ lâm nghiệp, sản xuất sản phẩm cao su và các sản phẩm khác từ cao su.
 - + Giá trị vốn góp của VHG là 160.600.000.000 đồng, tỷ lệ phần sở hữu 95%
- **Công ty Cổ phần Đầu tư Develyn**
 - + Hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0401648045 ngày 23/12/2014
 - + Địa chỉ trụ sở chính: Số 09 Lê Duẩn, phường Hải Châu 1, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng
 - + Lĩnh vực kinh doanh: Xây dựng nhà các loại, xây dựng công trình đường bộ, xây dựng công trình công ích, lắp đặt hệ thống điện, hoàn thiện công trình xây dựng, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống lưu động, đại lý du lịch, vận tải hành khách.
 - + Giá trị vốn góp của VHG là 89.000.000.000 đồng, tỷ lệ phần sở hữu 89%
- Công ty liên kết: không có
- **Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng**
 - + Hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100100625
 - + Địa chỉ trụ sở chính: 231 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội
 - + Lĩnh vực kinh doanh: Xây dựng nhà các loại, xây dựng công trình đường bộ, xây dựng công trình công ích, lắp đặt hệ thống điện, hoàn thiện công trình xây dựng, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống lưu động, đại lý du lịch, vận tải hành khách.
 - + Vốn điều lệ: 182.249.940.000 (Một trăm tám mươi hai tỷ hai trăm bốn mươi chín triệu chín trăm bốn mươi nghìn đồng) trong đó VHG nắm giữ 20%



6. Giới thiệu về quá trình tăng vốn của Công ty

Năm 2004, Công ty tăng vốn điều lệ từ 6 tỷ lên 11 tỷ đồng rồi tiếp tục tăng vốn đến cuối năm 2006 lên đến 40 tỷ đồng. Trong năm đã tiếp tục đầu tư mở rộng sản xuất gấp đôi năng lực thiết bị đầu tư ban đầu.

Đại hội Cổ đông thường niên năm 2006 đã quyết định tăng vốn điều lệ của Công ty lên 225 tỷ đồng, nhằm tái cơ cấu vốn, đầu tư mở rộng năng lực sản xuất và đầu tư thực hiện các dự án như: góp vốn nhà máy nhựa Việt Hàn, dự án nhà máy sản xuất cáp quang, dự án sản xuất các sản phẩm từ cốt sợi thủy tinh (Fiber Reinforce Polymer – FRP), dự án nhà máy sản xuất dây và cáp điện (Copper Clad Aluminium – CCA), các dự án phát triển công nghiệp và dịch vụ, cao ốc văn phòng, dự án Bất động sản xây dựng thành phố du lịch Nam Hội An...

Nghị quyết Đại hội Cổ đông bất thường lần I năm 2007 ngày 12/04/2007 đã thông qua và phê duyệt phương án phát hành thêm 25 tỷ đồng nâng vốn điều lệ lên 250 tỷ đồng.

Năm 2013, Công ty đã thực hiện phát hành cổ phiếu thương cho cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2013 ngày 31/8/2013, tăng vốn điều lệ Công ty từ 250 tỷ đồng lên 375 tỷ đồng.

Ngày 27/12/2013, Sở giao dịch chứng khoán TP.Hồ Chí Minh đã có quyết định số 270/2013/QĐ-SDCKHCM chấp thuận cho Công ty cổ phần Đầu tư và Sản xuất Việt Hàn niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm 12.500.000 cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu (Mười hai triệu năm trăm nghìn cổ phiếu) tương đương 125.000.000.000 đồng (Một trăm hai mươi lăm tỷ đồng).

Năm 2014, Công ty đã thực hiện tăng vốn điều lệ từ 350 tỷ đồng lên 750 tỷ đồng thông qua việc phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 số 14/VHG-NQ ngày 26/03/2014. Ngày 12/09/2014, Sở giao dịch chứng khoán TP.Hồ Chí Minh đã có quyết định số 345/QĐ-SGDHCM về việc chấp thuận cho Công ty niêm yết bổ sung 37.500.000 cổ phiếu phát hành thêm này.

7. Hoạt động kinh doanh

7.1. Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm

7.1.1 Hoạt động kinh doanh chính

a. Hoạt động đầu tư

Hoạt động đầu tư của Công ty chủ yếu là hoạt động đầu tư góp vốn vào các Công ty con. Cụ thể như sau:



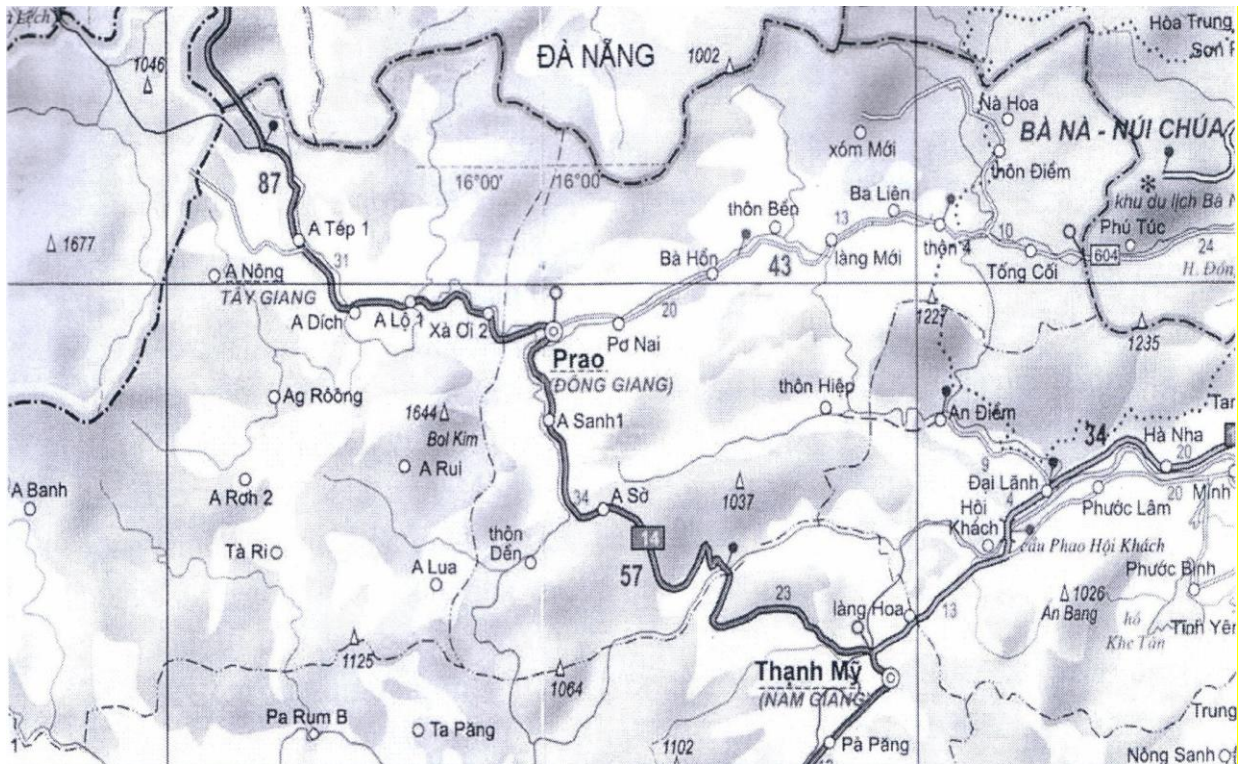
❖ *Đầu tư Công ty cổ phần Cao su Việt Hàn*

Trong năm 2014, VHG thực hiện tái cấu trúc toàn bộ doanh nghiệp theo hướng phát triển hiệu quả, an toàn và bền vững. Tập trung vào phát triển Dự án cao su, lấy lĩnh vực cao su là lĩnh vực kinh doanh chính.

Theo Đề án phát triển sản xuất nông, lâm sản góp phần giảm nghèo khu vực miền núi tỉnh Quảng Nam, giai đoạn 2014-2016 và định hướng đến năm 2020, cây cao su được xác định là cây mũi nhọn trong phát triển kinh tế ở các huyện miền núi. Mục tiêu của tỉnh Quảng Nam là chỉ đạo UBND các huyện căn cứ vào điều kiện cụ thể về đất đai và trên cơ sở rà soát, điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng, khẩn trương quy hoạch diện tích trồng cao su đại điền và tiểu điền, không để người dân tự phát, lấn chiếm đất rừng để trồng cao su. Kế hoạch trồng cao su đến năm 2016 là 22.034 ha, quy hoạch diện tích trồng cao su đến năm 2020 là 48.593 ha.

Tổng diện tích dự án trồng và chế biến cao su của VHG tại Quảng Nam là 13.303 ha. Công ty đẩy mạnh trồng mới trong năm 2014 thêm hơn 500ha. Hiện tại, Công ty đã khảo sát và tiến hành khai thác thí điểm một số diện tích cao su đã đủ tuổi khai thác và bước đầu khả quan.

Vị trí địa lý của Dự án trồng cây cao su



Dự án trồng cây cao su nằm tại huyện Đông Giang, Tỉnh Quảng Nam, phía Đông giáp với khu du lịch Bà Nà của Thành phố Đà Nẵng, phía Tây giáp với huyện Tây Giang, tỉnh Quảng Nam, phía Bắc giáp với tỉnh Thừa Thiên Huế, phía Nam giáp với huyện Nam Giang và huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam. Toàn bộ diện tích trồng cây cao su của Công ty đều nằm trong một thung lũng khuất gió, đây là một vị trí đặc địa để nuôi trồng cây con và phát triển cây cao su du có thể tránh được gió và cát từ biển.



QUANG NAM

Một số hình ảnh về diện tích cao su đang khai thác của Công ty:



Hiện công ty đang làm việc với một số đối tác lớn của nước ngoài để có kế hoạch liên kết xây dựng nhà máy chế biến các sản phẩm từ mủ cao su để tận dụng được nguồn cung cấp cao su tự nhiên của Công ty và các khu vực miền Nam Trung Bộ và Tây Nguyên.



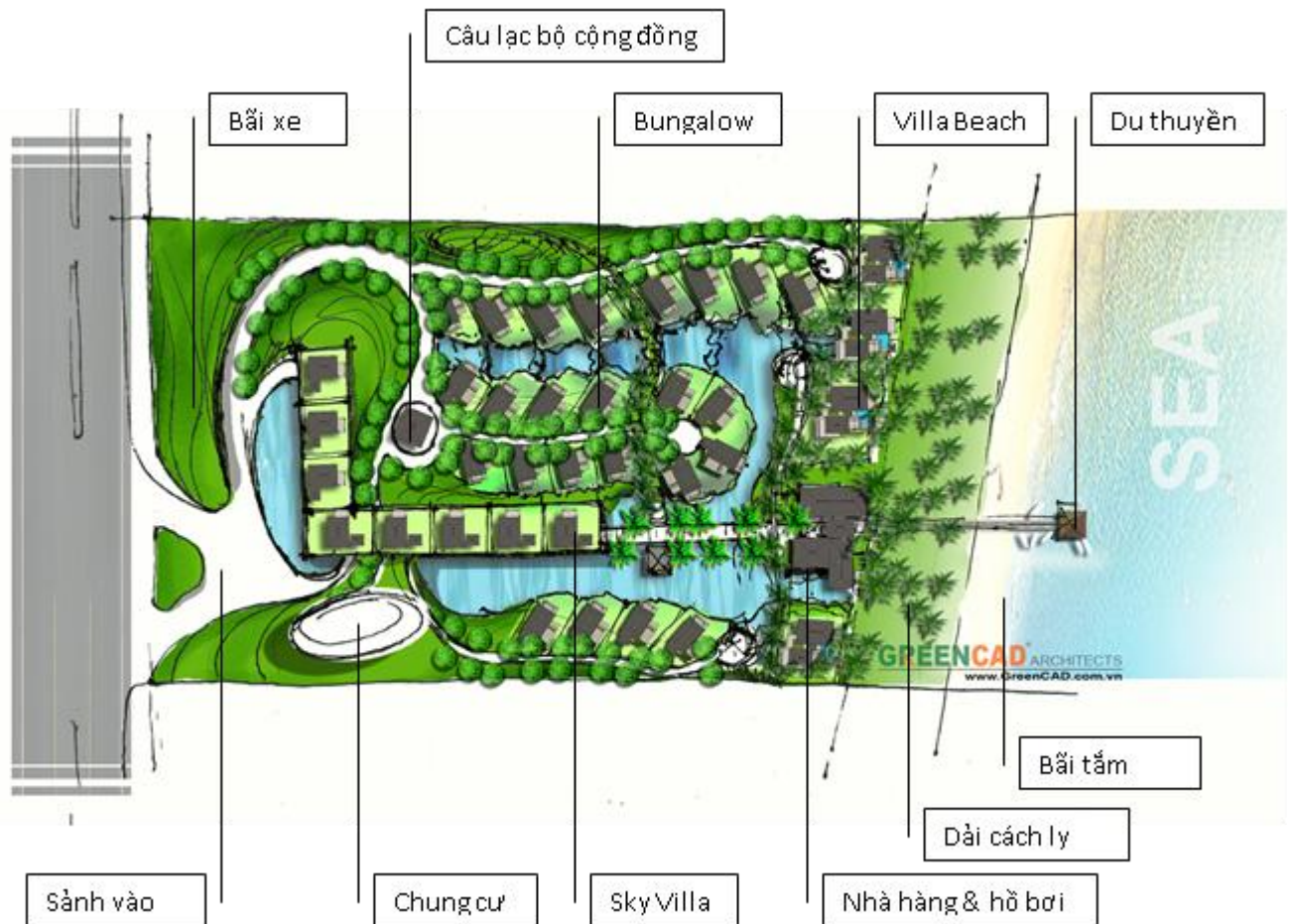
❖ **Đầu tư Công ty cổ phần Khoáng sản Quảng Nam**

Công ty Cổ phần Khoáng sản Quảng Nam đã đẩy mạnh quá trình đàm phán, tập trung xin mỏ, đặc biệt là mỏ đá, cát; nhằm chủ động nguồn đầu vào đá và cát phục vụ hỗ trợ hoạt động thi công xây dựng hạ tầng, khu Công nghiệp và đường giao thông nhằm triển khai thực hiện các dự án lớn, trọng điểm của quốc gia và trong khu vực miền Trung như các dự án làm đường cao tốc, dự án cấp thoát nước, các dự án hạ tầng khu đô thị, khu công nghiệp... nhằm đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai.

❖ **Đầu tư Công ty TNHH Quê Việt – Quảng Nam**

Công ty TNHH Quê Việt – Quảng Nam là chủ đầu tư dự án khu nghỉ dưỡng D’evelyn Beach với diện tích 5,3ha nằm trên tuyến đường cao tốc ven biển từ Đà Nẵng - Quảng Nam, con đường được mệnh danh là “thiên đường nghỉ dưỡng” với hàng loạt những dự án cao cấp tiêu chuẩn quốc tế khai thác một trong những bờ biển sạch và đẹp nhất của Việt Nam. Dự án này nằm ở vị trí thuận tiện, đặc địa cho du khách trong việc tham quan, nghỉ dưỡng, khám phá Đà Nẵng – Quảng Nam.

Thông tin dự án:



- Tên dự án : Khu nghỉ dưỡng Ven biển D’evelyn
- Tên viết tắt: D’evelyn Beach.



QUANG NAM

- Chủ đầu tư: Công ty TNHH Quê Việt Quảng Nam - Thành viên của VHG

- Địa điểm: Nằm trên tuyến đường cao tốc ven biển từ Đà Nẵng - Quảng Nam

- Phía Nam giáp: Dự án Pegasus Resort
- Phía Đông giáp: Biển Đông
- Phía Bắc giáp: Con đường “5 sao” với những dự án nghỉ dưỡng đạt tiêu chuẩn quốc tế như Sandy beach, Hyatt, Ocean Villa, Life resort, Edden, Dune Residence.



- Phía Nam giáp: Khu sân golf Montgomerie

- Quy hoạch tổng thể

- Tổng diện tích: 53.829 m²

- + Tổng diện tích xây dựng: 41.905 m²

- + Diện tích cây xanh, môi trường: 11.924 m²

- Quy mô kiến trúc:

- + Luxury Villas: 29 căn, tổng diện tích 14.143,5 m²

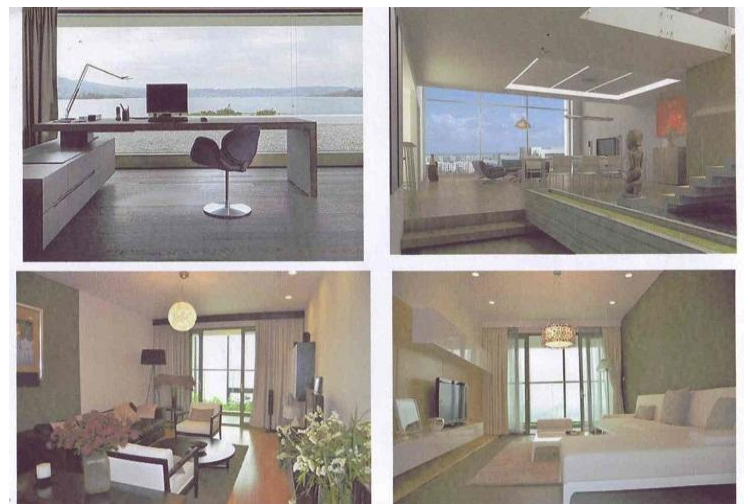
- + Condo - Hotel: Tổng diện tích: 8.663 m²

- Tiện ích: 2.590 m² với những khu vực như khu giải trí, hồ bơi, spa, gym hay nhà hàng, mua sắm được thiết kế thuận tiện trong khuôn viên dự án sẽ đáp ứng mọi nhu cầu của một cuộc sống chất lượng cao.

- Tính năng của dự án: Condo - Hotel, resort, tiện ích thương mại

- Tiến độ dự án:

- Hiện nay, dự án đã hoàn thành khâu san lấp mặt bằng và đang trình xin phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng với tỷ lệ 1:500 để được cấp phép xây dựng. Theo tiến độ thực hiện, dự án bắt đầu khởi công vào tháng 05/2015.





❖ **Góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư Develyn từ quyền sử dụng đất và chi phí liên quan đến lô đất tại 09 Lê Duẩn - P.Hải Châu I- Q.Hải Châu - Tp Đà Nẵng**

Công ty cổ phần Đầu Tư Cao su Quảng Nam là chủ đầu tư của dự án cao ốc D'EVELYN Tower tại số 09 Lê Duẩn, với các thông tin dự án như sau:

- Tên dự án đầu tư: D'EVELYN
- Chủ đầu tư: Công ty cổ phần Đầu Tư Cao su Quảng Nam
- Địa điểm: 09 Lê Duẩn - P.Hải Châu I- Q.Hải Châu - Tp Đà Nẵng.
- Diện tích đất: 2.926 m²
- Thông tin thiết kế:
 - Số tầng cao 34 tầng và 02 tầng hầm;
 - Tầng 1-4: Ngân hàng, dịch vụ, và các tiện ích phục vụ căn hộ.
 - Tầng 1: ngân hàng, café, sân chơi hơn 300m² cho trẻ em và cư dân trong căn hộ.
 - Tầng 2: Tiện ích dành cho cư dân sống trong căn hộ: thể dục – thư giãn, thẩm mỹ - sắc đẹp, Bác sĩ gia đình, Ăn uống giải khát, Cửa hàng tiện lợi, Sinh hoạt cộng đồng.
 - Tầng 3-4: trường mẫu giáo theo tiêu chuẩn quốc tế.
 - Tầng 5-37: 396 căn hộ theo tiêu chuẩn cao cấp.
 - Tầng 5-30: căn hộ loại 2-3 phòng ngủ, với diện tích căn hộ từ 85m²-120m².
 - Tầng 31-33: căn hộ Penthouse, với diện tích căn hộ từ 315m²-450m².
- Tiến độ thực hiện
 - UBND TPĐN đã ra Quyết định số 8230/QĐ-UBND ngày 28/10/2009 về việc phê duyệt tổng mặt bằng quy hoạch chi tiết 1/500
 - Do tình hình thị trường bất động sản có nhiều thay đổi đồng thời với tác động của khủng hoảng kinh tế, Công ty đã tạm ngưng triển khai dự án D'evelyn Tower và tích cực tìm kiếm các đối tác để chuyển nhượng dự án, thu hồi vốn đầu tư hoặc hợp tác đầu tư dự án.



Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2014 ngày 14/11/2014, ngày 18/12/2014 Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Quảng Nam đã họp và ra nghị quyết số 86/NQ-HĐQT-2014 về việc thành lập công ty con là Công ty cổ phần Đầu tư Develyn:



- Địa chỉ trụ sở chính: số 09 Lê Duẩn, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.
- Lĩnh vực kinh doanh: Xây dựng các loại nhà.
- Vốn điều lệ: 100 tỷ đồng trong đó VHG nắm giữ 99% vốn điều lệ.
- Hình thức góp vốn: tài sản.
- Phương thức góp vốn: Giá trị sổ sách của quyền sử dụng đất và chi phí đầu tư có liên quan đến lô đất của dự án trên tại số 09 Lê Duẩn quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tính đến ngày 15/12/2014 với diện tích 2.926 m².

Hiện nay, Công ty đã thành lập xong pháp nhân mới và bắt đầu chuyển nhượng cổ phần theo chiến lược đã thông qua.

b. Hoạt động đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng

Cùng sự phát triển mạnh mẽ của các khu chế xuất, khu công nghiệp, đặc khu kinh tế tại khu vực miền Trung trong thời gian qua, lưu lượng giao thông trong khu vực cũng đã tăng lên đáng kể và dự kiến còn tiếp tục gia tăng trong những năm tới. Đánh giá và dự báo tiềm năng phát triển từ lĩnh vực đầu tư cơ sở hạ tầng, từ năm 2013, với kế hoạch thực hiện tái cấu trúc toàn diện doanh nghiệp, VHG đã chuyển hướng tập trung vào lĩnh vực đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, coi đây là một trong những mảng hoạt động chính trong chiến lược phát triển mới của Cao su Quảng Nam.

Trong giai đoạn đầu chuyển hướng sang lĩnh vực này, VHG tập trung xác lập và phát triển thị trường tập trung khu vực miền Trung, tham gia đấu thầu các dự án thi công, san lấp làm nền đường cao tốc, hạ tầng khu công nghiệp, khu đô thị, thủy điện, hệ thống thoát nước... Đồng thời đàm phán, ký kết và triển khai các dự án hợp tác liên kết đầu tư cùng các đối tác lớn khác để thực hiện các dự án khu vực miền Bắc và vùng khác. Trong năm 2013, VHG đã ký kết Hợp đồng liên doanh cùng Tập đoàn HYDROCHINA và Công ty cổ phần Cơ điện Miền Trung để đấu thầu thực hiện dự án phát triển bền vững thành phố Đà Nẵng (Da Nang Sustainable City Development Project - SCDP). VHG giữ vai trò là đơn vị cung cấp các sản phẩm, thiết bị phục vụ cho dự án này. Đây là bước đệm để VHG tiếp tục tham gia đấu thầu và thực hiện các dự án hạ tầng khác.

c. Hoạt động thương mại

Với 10 năm hoạt động trên thị trường cáp viễn thông, VHG đã tạo lập được hình ảnh về doanh nghiệp hàng đầu cung cấp các sản phẩm viễn thông (cáp quang; dây và cáp điện; nhựa; các sản phẩm từ cốt sợi thủy tinh) cho các đối tác lớn như ViettelNet, ViettelGlobal,... Tận dụng lợi thế đã có này, Cao su Quảng Nam sẽ tiếp tục thực hiện phân phối, cung cấp các sản phẩm này cho các dự án trong khu vực và vùng lân cận cũng như mở rộng thị trường tiêu thụ ra nước ngoài.

Trong năm 2014, Công ty đã bước đầu mở rộng sang lĩnh vực phân phối phân bón, hóa chất... và đạt được những thành công nhất định. Dự kiến trong giai đoạn tới, Công ty sẽ tiếp tục mở rộng thị trường, tìm kiếm đối tác, phân phối sản phẩm, đồng thời cung cấp thêm các loại hàng hóa khác.

**7.1.2 Sản lượng sản phẩm qua các năm****Bảng 2: Cơ cấu doanh thu, doanh thu tài chính, thu nhập khác của Công ty mẹ***ĐVT: Triệu đồng*

STT	Chỉ tiêu	Năm 2013		Năm 2014		% Tăng giảm doanh thu năm 2014 so với năm 2013
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	
1	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	185.969	53,76%	284.096	88,48%	52,77%
2	Doanh thu hoạt động tài chính	79.233	22,91%	29.791	9,28%	(62,40%)
3	Thu nhập khác	80.706	23,33%	7.192	2,24%	(91,09%)
Tổng		345.908	100,00%	321.079	100,00%	(7,18%)

*(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013 và năm 2014 của Công ty mẹ)***Bảng 3: Cơ cấu doanh thu, doanh thu tài chính, thu nhập khác của Công ty (Hợp nhất)***ĐVT: Triệu đồng*

STT	Chỉ tiêu	Năm 2013		Năm 2014		% Tăng giảm doanh thu năm 2014 so với năm 2013
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	
1	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	186.591	53,31%	394.873	84,11%	111,62%
2	Doanh thu hoạt động tài chính	81.403	23,26%	29.900	6,37%	(63,27%)
3	Thu nhập khác	82.030	23,44%	44.692	9,52%	(45,52%)
Tổng		350.024	100,00%	469.465	100,00%	34,12%

*(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2013 và năm 2014)***Bảng 4: Lợi nhuận của Công ty mẹ***ĐVT: Triệu đồng*

STT	Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Giá trị tăng giảm năm 2014 so với 2013
1	Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	8.710	11.137	2.427
2	Lợi nhuận từ hoạt động tài chính	67.715	23.133	(44.582)
3	Lợi nhuận khác	42.569	3.235	(39.334)
4	Lợi nhuận trước thuế	94.166	32.644	(61.522)
5	Lợi nhuận sau thuế	83.511	25.164	(58.347)

(Nguồn: BCTC kiểm toán Công ty mẹ năm 2013 năm 2014)

**Bảng 5: Lợi nhuận của Công ty (Hợp nhất)***DVT: Triệu đồng*

STT	Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Giá trị tăng giảm năm 2014 so với 2013
1	Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	8.061	46.077	38.016
2	Lợi nhuận từ hoạt động tài chính	69.885	23.242	(46.643)
3	Lợi nhuận khác	43.155	38.990	(4.255)
4	Lợi nhuận trước thuế	93.520	98.730	5.210
5	Lợi nhuận sau thuế	82.859	91.066	8.207

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2013 và năm 2014)

Sau khi đẩy mạnh thực hiện tái cấu trúc toàn diện chiến lược phát triển Công ty theo định hướng mới từ năm 2013, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty có những bước phát triển nhất định. Tổng doanh thu thuần, doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác tăng qua các năm, năm 2013 là hơn 350 tỷ tăng 103,63% so với năm 2012, năm 2014 tiếp tục tăng trưởng bền vững đạt hơn 469 tỷ đồng.

Do định hướng kinh doanh thay đổi chiến lược, nên hoạt động chính trước đây của VHG (sản xuất cáp, nhựa, ...) không còn là hoạt động chính. Lĩnh vực cao su, thương mại về phân bón hóa chất, nông sản và đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng được tập trung đẩy mạnh triển khai và mang lại doanh thu và lợi nhuận chủ yếu cho Công ty trong năm 2014. Năm 2014, doanh thu thuần hợp nhất đạt hơn 394 tỷ đồng, vượt 12,9% kế hoạch năm 2014 và lĩnh vực cao su đóng góp chủ yếu vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm 2014.

Trong năm 2013, doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác tăng đột biến so với năm 2012 do Công ty thực hiện kế hoạch tái cấu trúc, tách và thành lập các công ty con, đồng thời chuyển nhượng đi các tài sản không hiệu quả hoặc không còn phù hợp với định hướng phát triển mới của Công ty. Đây cũng là hai hoạt động chính đóng góp vào lợi nhuận năm 2013 của Công ty. Doanh thu hoạt động tài chính đến chủ yếu từ việc Công ty chuyển nhượng cổ phần tại các Công ty con. Lãi từ việc bán cổ phần tại các công ty con là gần 80 tỷ đồng chiếm hơn 98% doanh thu tài chính của Công ty và hơn 74% lợi nhuận trước thuế của Công ty. Trong năm 2014, doanh thu hoạt động tài chính hợp nhất đạt 29,9 tỷ đồng, trong đó lãi từ việc chuyển nhượng vốn của các công ty con đạt 77,26%, còn lại là lãi tiền gửi và tiền cho vay. Thêm vào đó, hoạt động khác trong báo cáo hợp nhất năm 2014 của Công ty cũng đã đóng góp một phần đáng kể vào tổng Doanh thu, thu nhập và lợi nhuận của toàn Công ty, trong đó chiếm 84% là từ



việc thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh, còn lại là thu nhập từ hoạt động thanh lý, nhượng bán các tài sản dài hạn và Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu.

Bảng 6: Chi phí sản xuất Công ty mẹ

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2013		Năm 2014		% Tăng giảm chi phí năm 2014 so với năm 2013
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	
1	Giá vốn hàng bán	177.258	70,41%	272.959	94,63%	53,99%
2	Chi phí tài chính	11.518	4,58%	6.658	2,31%	(42,19%)
3	Chi phí bán hàng	6.246	2,48%	197	0,07%	(96,85%)
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	18.581	7,38%	4.664	1,62%	(74,90%)
5	Chi phí khác	38.137	15,15%	3.956	1,37%	(89,63%)
	Tổng	251.740	100,00%	288.434	100,00%	14,58%

(Nguồn: BCTC kiểm toán Công ty mẹ năm 2013 và năm 2014)

Bảng 7: Chi phí sản xuất (Hợp nhất)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2013		Năm 2014		% Tăng giảm chi phí năm 2014 so với năm 2013
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	
1	Giá vốn hàng bán	178.529	69,60%	348.797	94,08%	95,37%
2	Chi phí tài chính	11.518	4,49%	6.658	1,80%	(42,19%)
3	Chi phí bán hàng	6.785	2,65%	197	0,05%	(97,10%)
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	20.797	8,11%	9.382	2,53%	(55,89%)
5	Chi phí khác	38.875	15,16%	5.701	1,54%	(85,34%)
	Tổng	256.504	100,00%	370.735	100,00%	44,53%

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2013 và năm 2014)

Giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng chủ yếu trong tổng chi phí hàng năm của Công ty mẹ và hợp nhất. Tổng chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất năm 2013 là hơn 256 tỷ đồng, trong đó giá vốn hàng bán chủ yếu là của các sản phẩm cáp, nhựa... Năm 2014, VHG thay đổi định hướng kinh doanh, hoạt động cao su và hoạt động xây dựng cơ sở hạ tầng là những ngành mũi nhọn. Tổng chi phí hoạt động hợp nhất 2014 là hơn 370 tỷ đồng, tăng 44,53% so với năm 2013, trong đó giá vốn hàng bán chiếm 94,08%. Sự gia tăng này nguyên nhân chủ yếu từ sự gia tăng giá vốn hàng bán của Công ty do sản lượng mủ cao su tăng cao trong năm 2014.



Trong kỳ, Công ty đã tích cực thu hồi các khoản công nợ, giúp cải thiện dòng tiền, trả nợ vay ngân hàng và giảm áp lực tài chính. Cùng với dòng tiền từ việc chuyển nhượng cổ phần tại các Công ty con, dòng tiền thu được từ đợt phát hành tăng vốn điều lệ, tình hình tài chính Công ty đã trở lên vững mạnh hơn. Do đó, chi phí tài chính hợp nhất trong kỳ đã giảm hơn 42% so với năm 2013. Trong đó, chi phí lãi vay hợp nhất giảm từ 11,7 tỷ đồng năm 2013 xuống còn 6,4 tỷ đồng năm 2014, tương ứng với tỷ lệ giảm là gần 50%.

Năm 2014, Công ty đã tái cấu trúc mạnh mẽ, toàn diện: hoàn thành thanh lý chuyển nhượng các tài sản đầu tư không hiệu quả, tập trung chủ yếu vào khai thác diện tích cao su đã đến kỳ thu hoạch, hoàn thiện bộ máy quản lý doanh nghiệp. Chính điều này góp phần làm giảm mạnh chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí khác ở mức lần lượt là 97,10%, 55,89% và 85,34% so với năm 2013.

7.2. Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh

Năm 2013, tác động của cuộc khủng hoảng tài chính vẫn tiếp tục ảnh hưởng đến nền kinh tế. Tốc độ khôi phục nền kinh tế không nhanh như kỳ vọng. Lạm phát đã được kiểm soát nhưng còn tiềm ẩn nguy cơ gia tăng lại. Tín dụng cho nền kinh tế tăng chậm, khả năng tiếp cận nguồn vốn của doanh nghiệp còn bị hạn chế. Trong bối cảnh kinh tế khó khăn, Công ty đã nỗ lực thực hiện bám sát kế hoạch kinh doanh và định hướng chiến lược đề ra, tình hình tài chính và kết quả kinh doanh dần được cải thiện và thay đổi một cách rõ rệt trong năm 2013 và năm 2014. Sở giao dịch TP Hồ Chí Minh từ việc tạm ngừng giao dịch cổ phiếu VHG từ ngày 03/04/2013, đã quyết định đưa cổ phiếu VHG được giao dịch trở lại theo diện chứng khoán bị kiểm soát kể từ ngày 11/04/2013, và cuối cùng là quyết định về việc đưa cổ phiếu VHG ra khỏi diện kiểm soát kể từ ngày 25/10/2013. Kết quả này có được do:

- VHG tập trung thực hiện tái cấu trúc tài chính doanh nghiệp. Tách các nhà máy thành lập Công ty con để quản lý một cách độc lập, dần chủ động tài chính, đồng thời nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ cổ phần Công ty này theo kế hoạch tái cấu trúc tài chính;
- Công ty đã thanh lý tài sản, vật tư nhà máy cấp đồng đã ngừng sản xuất trong 3 năm qua với giá hợp lý thu về 17 tỷ đồng, giảm thiểu thua lỗ để thu hồi vốn bổ sung cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Tăng cường công tác thu hồi nợ và áp dụng các biện pháp cứng rắn xử lý dứt điểm các khoản nợ khó đòi. Tăng cường quản trị nội bộ, gia tăng các biện pháp giải pháp tiết kiệm chi phí quản lý.
- Nghiên cứu và phát triển lĩnh vực mới cũng như các lĩnh vực hiện có.
 - Công ty đã góp vốn thành lập Công ty CP Khoáng sản Quảng Nam chuyên về khoáng sản phục vụ hỗ trợ làm hạ tầng, khu Công nghiệp và đường giao thông nhằm triển khai thực hiện các dự án lớn, trọng điểm của quốc gia và trong khu vực miền Trung như các dự án làm đường cao tốc, dự án cấp thoát nước, các dự án hạ tầng khu đô thị, khu công nghiệp... nhằm đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai.



- Thành lập Công ty cổ phần Cao su Việt Hàn. Hoàn thiện hệ thống quy hoạch, quản lý vườn cây cao su theo quy trình chuẩn. Nghiên cứu các giống cây cao su mới cho năng suất cao và phù hợp với thổ nhưỡng và địa hình của địa phương.
- Năm 2013, Công ty chú trọng vào dự án Trồng cây cao su: do xác lập thủ tục quyền sử dụng đất kéo dài từ chính quyền địa phương nên trong năm vẫn chưa phát triển thêm diện tích đất cho dự án (kế hoạch 2013 sẽ chuyển sang 2014, tổng diện tích quy hoạch của dự án là 13.303 ha). Trong năm tập trung đầu tư hạ tầng, chăm sóc và nâng cao chất lượng vườn cây, tiến hành rà soát và đúc kết kinh nghiệm làm cơ sở cho việc triển khai đồng loạt dự án cho các năm sau. Công ty đã trồng thêm được trên gần 100ha cao su trong năm 2013. Đây là hoạt động chính trong định hướng phát triển mới của Công ty.
- Năm 2014, Công ty thực hiện quy hoạch lại các diện tích cao su tiểu điền và cao su nông trường quy mô lớn, tiếp tục mở rộng và mua lại các diện tích cao su ở khu vực Quảng Nam Đà Nẵng và Tây Nguyên. Triển khai các hoạt động hỗ trợ định hướng phát triển công nghiệp chế biến sâu cao su, đẩy mạnh công tác phát triển hạ tầng, xây dựng nhà máy chế biến cao su và các dự án công trình phục vụ du lịch tại Đà Nẵng. Bên cạnh đó, Công ty dự định thực hiện M&A các công ty trong lĩnh vực cao su là: Công ty cổ phần Cao su Sao Vàng và các công ty tiềm năng khác trong ngành.
- Dừng, giãn tiến độ, lựa chọn đầu tư có trọng tâm: Do tình hình thị trường có nhiều thay đổi, VHG đã cân nhắc triển khai thực hiện các dự án bất động sản và hạ tầng: dự án D’EVELYN BEACH (Công ty con Quê Việt-Quảng Nam là chủ đầu tư) đã thực hiện điều chỉnh phương án kinh doanh, trình quy hoạch phù hợp, thực hiện đăng ký giãn tiến độ đầu tư với chính quyền. Đàm phán thanh lý các hợp đồng hợp tác với Handic, đối tác Hacisco; đồng thời lập thủ tục chuyển trả dự án cụm công nghiệp dịch vụ An Lư (Quảng Nam) thu hồi vốn.
- Tình hình nhân sự: Công ty đã sắp xếp và tái cấu trúc hợp lý bộ máy tổ chức, thay đổi bổ nhiệm mới nhiều vị trí chủ chốt trong Ban lãnh đạo, tinh giảm nhân sự trong toàn Công ty, tiến tới mục tiêu đảm bảo nguồn nhân lực chất lượng, hoạt động hiệu quả, đồng thời giảm chi phí quản lý doanh nghiệp cho những kỳ tiếp theo; đáp ứng cho mục tiêu phát triển của VHG những năm tới.

7.3. Hoạt động Marketing

Song song với việc đầu tư nâng cao năng lực hoạt động, Công ty rất quan tâm và chú trọng đến chính sách marketing, như:

- Thực hiện các hình thức quảng bá thương hiệu như: quảng cáo trên báo giấy, báo hình, các hoạt động PR đối nội, đối ngoại;
- Thường xuyên cập nhật và quảng bá sản phẩm, dự án và hoạt động của Công ty trên website và các kênh truyền thông;
- Tham gia các hội thảo giới thiệu sản phẩm, năng lực hoạt động của Công ty và xúc tiếp tiếp cận, đàm phán với các khách hàng, đối tác mới



Với chiến lược phát triển bền vững, trong thời gian tới, Công ty sẽ chú trọng hơn nữa trong việc phát triển thương hiệu Cao su Quảng Nam, để hình ảnh Công ty ngày một trở nên quen thuộc hơn với khách hàng và các đối tác đặc biệt là trong lĩnh vực cao su và đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng.

7.4. Các hợp đồng đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

Bảng 8: Một số hợp đồng Công ty đã và đang thực hiện

STT	Hợp đồng	Khách hàng	Thời hạn	Trị giá hợp đồng (tỷ đồng)
01	Hợp đồng cung cấp cáp quang	Công ty Viễn thông Liên tỉnh	2012	6
02	Hợp đồng cung cấp cáp quang	Công ty TNHH Duy Sơn	2012	1,1
03	Hợp đồng cung cấp vật tư	Công ty cổ phần Công nghệ Cáp quang & Thiết bị Bưu Điện TFP	2012	4,5
04	Hợp đồng cung cấp vật tư	Công ty TNHH MTV Thông Tin M3	2013	5,6
05	Hợp đồng cung cấp cáp quang	Tổng công ty Điện lực Miền Nam TNHH	2013	7,9
06	Hợp đồng cung cấp cáp quang	BĐ Quảng Bình	2013	1,6
07	Hợp đồng cung cấp ống nhựa PVC	Công ty mạng lưới Viettel – Tập đoàn viễn thông quân đội	2013-2014	65
08	Hợp đồng cung cấp ống nhựa PVC 40, ống HDPE F32 và ống thép mạ kẽm F65	Công ty cổ phần Đầu tư Quốc tế Viettel	2013-2014	55
09	Hợp đồng cung cấp cáp quang	Công ty cổ phần viễn thông FPT	2014	1,4
10	Hợp đồng giao nhận thi công xây lắp gói thầu số 26	Công ty cổ phần xây dựng và thương mại GCT	2014	6,3
11	Hợp đồng thương mại về phân bón, hóa chất, và nông sản	Công ty CP Đầu tư và DV công nghiệp Thái Nguyên,	2014	277



QUANGNAM

STT	Hợp đồng	Khách hàng	Thời hạn	Trị giá hợp đồng (tỷ đồng)
		Công ty CP Phát Triển Phân bón Đình Vũ, và một số Công ty và nhà phân phối trong nước khác		
12	Hợp đồng cung cấp mũ cao su tự nhiên	Công ty CP Xây dựng và thương mại Đà Trung và một số Công ty và nhà phân phối trong nước khác	2014	110
13	Hợp đồng cung cấp mũ cao su tự nhiên	Công ty CP Đầu tư Cao Su Miền Nam,	2015	100
14	Hợp đồng cung cấp, phân bón, nông sản,...	Công ty CP Đầu tư và DV công nghiệp Thái Nguyên	2015	50
15	Hợp đồng cung cấp mũ cao su tự nhiên	Công ty CP Xây dựng và thương mại Đà Trung	2015	50

(Nguồn: Công ty cổ phần Đầu tư Cao su Quảng Nam)

7.5. Nhân hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

- Biểu tượng logo của Công ty:



- Website của Công ty: www.qnr.vn
- Ý nghĩa logo:
 - Biểu tượng logo là hình cách điệu của giọt mũ cao su chuẩn bị chảy vào máng dẫn cũng chính là hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty.
 - Chữ Q cách điệu là viết tắt của “Quảng Nam” cùng là địa điểm đặt trụ sở chính của Công ty.
 - Màu chủ đạo của logo là màu xanh đậm theo màu của tập đoàn công nghiệp cao su Việt Nam.

8. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

8.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2013, 2014

Bảng 9: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty mẹ



ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	% Tăng/ giảm của năm 2014 so với 2013
Tổng giá trị tài sản	532.052	950.126	78,58%
Doanh thu thuần	185.968	284.096	52,77%
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	8.710	11.137	27,86%
Doanh thu hoạt động tài chính	79.233	29.791	(62,40%)
Chi phí tài chính	11.518	6.658	(42,19%)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	51.597	29.408	(43,00%)
Lợi nhuận khác	42.569	3.235	(92,40%)
Lợi nhuận trước thuế	94.166	32.644	(65,33%)
Lợi nhuận sau thuế	83.511	25.164	(69,87%)

(Nguồn: BCTC kiểm toán Công ty mẹ năm 2013 và năm 2014)

Bảng 10: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh (Hợp nhất)

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	% Tăng/ giảm của năm 2014 so với 2013
Tổng giá trị tài sản	562.950	1.071.970	90,42%
Doanh thu thuần	186.935	394.873	111,24%
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	8.061	46.076	471,59%
Doanh thu hoạt động tài chính	81.403	29.900	(63,27%)
Chi phí tài chính	11.518	6.658	(42,19%)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	50.365	59.740	18,61%
Lợi nhuận khác	43.155	38.990	(9,65%)
Lợi nhuận trước thuế	93.520	98.730	5,71%
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	83.002	91.666	10,44%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (%)	7,50%	-	-

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2013 và năm 2014)

8.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

**Thuận lợi:**

- Lĩnh vực cao su nhiều tiềm năng, tỷ suất sinh lời cao, vị trí dự án cao su thuận lợi. Việt Nam trở thành nước sản xuất cao su lớn thứ 3 trên thế giới.
- Lĩnh vực hạ tầng đang được đẩy mạnh và đầu tư xây dựng mạnh mẽ.
- Quá trình tái cơ cấu bước đầu thành công. Bộ máy nhân sự nhỏ gọn, hiệu quả.
- Định hướng phát triển của Công ty rõ ràng.
- Nhân sự có trình độ, nhiều kinh nghiệm, tâm huyết với Công ty.
- Tình hình tài chính khá lành mạnh, các khoản vay và chi phí lãi vay giảm mạnh.
- Tình hình kinh tế thế giới và trong nước đang trên đà hồi phục.

Khó khăn:

- Bước đầu tham gia vào lĩnh vực cao su và lĩnh vực cơ sở hạ tầng nên còn nhiều khó khăn.
- Nguồn vốn đầu tư hạn hẹp trong khi nhu cầu vốn lớn.

9. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành**9.1. Vị thế của Công ty trong ngành**

Sau 10 năm trưởng thành và phát triển, VHG đã xây dựng được thương hiệu và hình ảnh vững chắc về doanh nghiệp sản xuất và cung cấp sản phẩm viễn thông, sản phẩm nhựa như cáp quang, cáp điện, các sản phẩm nhựa, composite FRP. Khách hàng của Công ty là những tập đoàn lớn như FPT, Viettel,...

Trong những năm trước đây, Cao su Quảng Nam là một trong những công ty lớn nhất nước về sản xuất các sản phẩm này với công suất sản xuất cấp đồng lên đến 3.000.000 km/năm. Tuy nhiên, các lĩnh vực hoạt động truyền thống của VHG đang trong giai đoạn thoái trào nên Công ty đã chuyển hướng tập trung vào các lĩnh vực tiềm năng khác như cao su, đầu tư xây dựng hạ tầng.

Quy mô dự án cao su của Công ty lên đến 13.303 ha, khá lớn so với các công ty đang niêm yết trên thị trường chứng khoán. Tuy nhiên, đây là lĩnh vực Cao su Quảng Nam mới tham gia nên còn nhiều khó khăn.

Mặc dù lĩnh vực cơ sở hạ tầng có nhiều cơ hội phát triển khi hàng loạt các dự án thi công về cầu, đường cao tốc, khu đô thị, hạ tầng thành phố được phê duyệt và triển khai nhưng đây vẫn là hoạt động mới triển khai của Cao su Quảng Nam nên có thể gặp nhiều trở ngại.

Tuy nhiên, bằng nỗ lực của Ban lãnh đạo và cán bộ công nhân viên Công ty cùng những thay đổi mạnh mẽ về cơ cấu và tình hình tài chính Công ty, VHG khá tự tin tham gia triển khai các lĩnh vực và dự án mới.

Ngoài ra, hiện nay, Cao su Quảng Nam còn sở hữu 2 dự án Bất động sản có vị trí đắc địa tại Đà Nẵng và Quảng Nam. Đây là lợi thế so sánh không hề nhỏ của Công ty và cũng là cơ sở, tiền đề



đề Cao su Quảng Nam tiếp tục triển khai đầu tư các dự án Bất động sản.

Nguồn nhân lực

Nguồn nhân lực là yếu tố quan trọng, quyết định thành công của doanh nghiệp. Nhận thức rõ điều này, Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Quảng Nam đã chú trọng khâu tuyển dụng nhằm thu hút đội ngũ lãnh đạo cũng như chuyên viên có trình độ và chuyên nghiệp trong công việc.

Bộ máy lãnh đạo của Cao su Quảng Nam gồm nhiều chuyên gia có trình độ, được đào tạo bài bản có kinh nghiệm, tầm nhìn chiến lược và trình độ quản trị lâu năm.

Đội ngũ nhân viên có tinh thần trách nhiệm với công việc và được đào tạo kỹ lưỡng về kiến thức chuyên môn, kỹ năng, định hướng nghề nghiệp và văn hóa doanh nghiệp. Bên cạnh việc thu hút nhân tài, Cao su Quảng Nam cũng chú trọng xây dựng mức lương thưởng hợp lý, môi trường làm việc chuyên nghiệp, cạnh tranh lành mạnh để phát triển, khẳng định bản thân, giúp nhân viên toàn tâm toàn ý cho sự phát triển chung của Công ty.

9.2. Triển vọng phát triển của ngành

Trong giai đoạn từ năm 2010 - 2012, cuộc khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu diễn biến phức tạp và khó nhận định. Tuy nhiên, nhờ nỗ lực của Chính phủ, tình hình kinh tế đã xuất hiện những tín hiệu khả quan: tốc độ suy giảm kinh tế đã chậm lại, chỉ số lòng tin của người tiêu dùng đã có dấu hiệu cải thiện.

Bên cạnh đó, nhờ triển khai đồng bộ các nhóm giải pháp nhằm chủ động ngăn chặn suy giảm kinh tế, ổn định kinh tế vĩ mô, hạn chế lạm phát, bảo đảm an sinh xã hội theo chủ trương, kế hoạch của Đảng, Quốc hội và Chính phủ, nền kinh tế có nhiều chuyển biến theo hướng tích cực.

Trong năm 2013, tốc độ tăng trưởng GDP đạt 5,42% cao hơn so với mức 5,03% của năm 2012. Lạm phát được kiểm chế ở mức hơn 6%. Các ngành đều có tốc độ tăng trưởng cao hơn so với cùng kỳ. Đây chính là tiền đề cho sự tăng trưởng và phát triển của các doanh nghiệp tại Việt Nam. Trong năm 2014, nền kinh tế Việt Nam tiếp tục phát triển mạnh mẽ hơn năm ngoái, GDP tăng 5,98% và lạm phát thấp nhất trong vòng 10 năm trở lại đây ở mức 4,09%.

Lĩnh vực cao su

Hiện nay, do những suy giảm của nền kinh tế toàn cầu nên nhu cầu về cao su tự nhiên giảm xuống khiến cho giá cao su liên tục sụt giảm trong thời gian vừa qua. Tuy nhiên, việc phục hồi trong chu kỳ kinh tế mới sẽ kéo theo nhiều nhu cầu về nguyên liệu tự nhiên nói chung và cao su tự nhiên nói riêng. Giá cao su đã bắt đầu phục hồi đầu năm 2015 cũng là một tín hiệu tích cực đối với các doanh nghiệp sản xuất cao su tại Việt Nam.

Mặc dù, lĩnh vực cao su đang gặp nhiều khó khăn nhưng có thể thấy rằng một số công ty cao su đang niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam vẫn hoạt động kinh doanh khá tốt. Cụ thể, mức lợi nhuận ròng bình quân của các Công ty vào khoảng hơn 20% khá cao so với các ngành khác.

Lĩnh vực xây dựng cơ sở hạ tầng



Trong những năm trở lại đây, hệ thống cơ sở hạ tầng của Việt Nam được đầu tư khá đồng bộ và mạnh mẽ. Các công trình xây dựng cầu, đường, hệ thống thoát nước, hạ tầng các khu dân cư, khu đô thị liên tục được triển khai. Nguồn vốn phục vụ cho các dự án hạ tầng cũng khá dồi dào và với nhiều nguồn khác nhau như World bank, ODA, vốn ngân sách...

Tại khu vực Đà Nẵng, Quảng Nam cũng đã và đang thực hiện nhiều dự án đầu tư cơ sở hạ tầng như Dự án phát triển thành phố bền vững, dự án cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi... Đây là triển vọng và cũng là cơ hội đối với Cao su Quảng Nam trong việc tham gia các lĩnh vực mới.

9.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung của thế giới

Việc tập trung vào lĩnh vực cao su và đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng dự kiến sẽ đem lại những tăng trưởng vượt bậc trong quá trình phát triển của Công ty.

- Đầu tư lĩnh vực cao su tự nhiên sẽ đem lại nguồn doanh thu và lợi nhuận ổn định, đều đặn với suất biên lợi nhuận cao. Hơn nữa, ngoài những hiệu quả kinh tế đem lại, dự án cao su còn giải quyết rất tốt về vấn đề xã hội và bảo vệ môi trường như giải quyết tốt vấn đề công ăn việc làm cho người dân tộc thiểu số, phủ xanh đất trống đồi trọc, chống lũ lụt, bảo vệ nguồn nước và đảm bảo an ninh quốc phòng khu vực. Chính vì vậy, dự án cao su của Công ty cần được khuyến khích và mở rộng.
- Hiện nay, Việt Nam đã vươn lên trở thành nước sản xuất cao su lớn thứ 3 thế giới. Điều này cho thấy Việt Nam đang tận dụng lợi thế của mình để phát triển lĩnh vực cây công nghiệp. Sản lượng cao su của Việt Nam đã vượt mức 1 triệu tấn.
- Do vậy, việc tham gia vào lĩnh vực cao su của VHG là phù hợp với chiến lược phát triển của ngành và chiến lược phát triển quốc gia.
- Hiện nay, so với các nước phát triển trong khu vực, Việt Nam vẫn được coi là nước có cơ sở hạ tầng nghèo nàn, nền tảng hạ tầng yếu và thiếu. Do vậy, trong thời gian vừa qua, Chính phủ đã giành nhiều nguồn vốn để thực hiện các dự án làm đường, cầu...phát triển giao thông, thương mại. Có thể thấy rằng, với cơ sở hạ tầng hiện tại, Việt Nam cần đầu tư nhiều hơn nữa trong vòng 20 năm tới. Điều này cũng được thể hiện qua buổi họp thường kỳ của Chính phủ trong tháng 3 vừa qua. Đây cũng là cơ sở vững chắc và là cơ hội cho Cao su Quảng Nam bước chân vào lĩnh vực này.

10. Chính sách đối với người lao động

Cơ cấu lao động

Chất lượng nguồn nhân lực là một trong những yếu tố quan trọng quyết định sự phát triển của Công ty, vì vậy Công ty luôn đặt mục tiêu xây dựng đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp lên hàng đầu trong chiến lược phát triển của mình. Tính đến thời điểm 31/12/2014, tổng số lao động trong Công ty là 40 người. Cơ cấu lao động cụ thể như sau:



Loại lao động	Số lượng(người)
Phân theo giới tính	37
▪ Nam	33
▪ Nữ	04
Phân theo trình độ học vấn	37
▪ Trình độ đại học và trên đại học	08
▪ Trình độ cao đẳng và trung cấp	10
▪ Đối tượng khác	19

(Nguồn: Công ty cổ phần Đầu tư Cao su Quảng Nam)

Chính sách đối với người lao động

Công ty áp dụng các luật, quy chế và các thông lệ trong công tác quản lý lao động phù hợp với Luật lao động, đảm bảo các chính sách cơ bản, ký kết hợp đồng lao động, chính sách về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, trợ cấp thôi việc, thâm niên... và các chính sách khác theo chế độ dành cho người lao động theo quy định của Nhà nước.

10.1. Chính sách đào tạo.

- Ban lãnh đạo luôn xác định và định hướng con người luôn là nhân tố quan trọng nhất của công ty trong quá trình phát triển. Chính vì thế chính sách đào tạo và phát triển nguồn nhân lực của Công ty luôn là động lực tạo ra sự gắn kết người lao động và sự phát triển lâu dài và bền vững của công ty.
- Chính sách đào tạo đồng thời là nhân tố quan trọng trong chiến lược xây dựng văn hóa kinh doanh của Công ty, hướng đến mục tiêu là nâng cao tính chuyên nghiệp trong hoạt động quản trị điều hành, tạo môi trường và cơ hội bình đẳng khuyến khích người tài và tâm huyết với Công ty.
- Hiện tại, Công ty đã xây dựng và hoàn thiện quy trình tuyển dụng và kế hoạch đào tạo nhân sự. Do đó người lao động khi được tuyển dụng vào Công ty nắm bắt và hòa nhập nhanh chóng vào môi trường làm việc. Hơn nữa, lãnh đạo Công ty có chủ trương khuyến khích và tạo điều kiện cho nhân viên tham gia các khóa học nâng cao kiến thức chuyên môn, kỹ năng quản lý. Đồng thời, kinh phí đào tạo cũng được dự trù hàng năm trong tổng chi phí sản xuất kinh doanh của công ty.

10.2. Lao động và tiền lương.



- Tiền lương và phân phối thu nhập cho người lao động cũng là mối quan tâm hàng đầu của lãnh đạo Công ty. Quy chế phân phối tiền lương được xây dựng dựa trên cơ sở đánh giá kết quả lao động, hướng đến mục tiêu là đòn bẩy để tăng năng suất, hiệu quả công việc.
- Hàng tháng, hàng quý Công ty luôn có những đợt thi đua xét chọn, bình bầu cá nhân lao động giỏi và tập thể lao động xuất sắc, khen thưởng kịp thời cho những trường hợp đạt danh hiệu thi đua và các trường hợp hoàn thành nhiệm vụ hay dự án trước thời hạn, nhằm động viên và khích lệ tinh thần của tập thể CB-CNV.
- Thực hiện đúng và đầy đủ việc trích nộp Bảo hiểm Xã hội & Bảo hiểm Y tế và trợ cấp thôi việc cho người lao động theo chế độ quy định của Luật lao động nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và theo văn bản thỏa ước lao động.

11. Chính sách cổ tức

Căn cứ theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, chính sách phân phối cổ tức do Hội đồng quản trị đề nghị và Đại hội đồng cổ đông quyết định như sau:

- Công ty chỉ được chi trả cho cổ đông khi công ty kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.
- Cổ đông được chia cổ tức tương đương với phần vốn góp và tùy theo đặc điểm tình hình kinh doanh theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- Tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị, với căn cứ là kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tới.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2013, Công ty đã thực hiện việc chi trả cổ tức năm 2013 bằng tiền mặt với tỷ lệ thực hiện là 3%/vốn điều lệ. Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 vào ngày 26/03/2014 của Việt - Hàn tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2014 ở mức 10%/vốn điều lệ bằng tiền mặt.

12. Tình hình hoạt động tài chính

12.1. Các chỉ tiêu cơ bản

❖ **Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh**

Công ty Công ty cổ phần Đầu tư Cao su Quảng Nam luôn sử dụng và quản lý vốn góp của cổ đông và vốn kinh doanh theo đúng các quy định của pháp luật và đúng mục đích quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

Năm 2013, vốn điều lệ của Công ty thay đổi, tăng từ 250 tỷ đồng lên 375 tỷ đồng từ nguồn vốn chủ sở hữu tương đương 125 tỷ đồng. Trong năm Công ty đã thực hiện một số khoản đầu tư và chuyển nhượng phần vốn tại các công ty. Năm 2014, Công ty thực hiện thành công tái cấu trúc, nâng vốn điều lệ lên 750 tỷ đồng, huy động nguồn vốn triển khai các dự án cao su và xây dựng.



Ngoài vốn điều lệ 750 tỷ đồng, vốn kinh doanh của Công ty tại thời điểm 31/12/2014 là 321.970 triệu đồng, gồm:

Bảng 11: Vốn kinh doanh tại 31/12/2014

ĐVT: Triệu đồng

Vốn kinh doanh	Giá trị
Vốn vay	64.206
Nợ ngắn hạn khác	62.627
Nợ dài hạn khác	-
Lợi nhuận chưa phân phối	100.547
Các khoản khác: thặng dư vốn cổ phần, lợi ích cổ đông thiểu số	94.590
Vốn kinh doanh	321.970

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2014)

Tại ngày 31/12/2014, tổng nguồn vốn của Công ty là: 1.071.969 triệu đồng được sử dụng đầu tư vào các hạng mục sau:

Bảng 12: Cơ cấu nguồn vốn được sử dụng tại 31/12/2014

ĐVT: Triệu đồng

Nguồn vốn	Giá trị
Tài sản cố định hữu hình, tài sản vô hình	5.706
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	175.152
Bất động sản đầu tư	91.232
Đầu tư dài hạn khác	259.704
Hàng tồn kho	2.389
Tiền và các khoản tương đương tiền	70.311
Phải thu ngắn hạn	342.847
Phải thu dài hạn	658
Tài sản khác	123.970
Tổng nguồn vốn	1.071.969

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2014)

❖ **Trích khấu hao tài sản**

Tài sản cố định hữu hình được phân ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế:



- Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kì.
- Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với tỷ lệ khấu hao quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể:

Bảng 13: Thời gian khấu hao tài sản cố định

Nhóm tài sản cố định	Số năm khấu hao
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc, thiết bị	06 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 12
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 05
Tài sản cố định khác	03 - 07

(Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Quảng Nam)

❖ **Mức lương bình quân:**

Bảng 14: Mức lương bình quân

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014
Mức lương bình quân (triệu VND/người/tháng)	7.000.000	8.000.000

(Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Quảng Nam)

Thu nhập bình quân hàng tháng của người lao động tăng trưởng đều qua các năm và ở mức tương đối cao so với các doanh nghiệp cùng ngành.

❖ **Thanh toán các khoản nợ đến hạn:**

Công ty luôn thực hiện tốt các khoản nợ đến hạn. Tính đến hết thời điểm 31/12/2014, Công ty đã thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ.

❖ **Các khoản phải nộp theo luật định:**

Bảng 15: Các khoản phải nộp theo luật định (Công ty mẹ)



ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2013	31/12/2014
Thuế giá trị gia tăng	0	0
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.655	7.480
Thuế thu nhập cá nhân	40	40
Thuế tài nguyên	0	0
Các loại thuế khác	0	0
Tổng cộng	10.695	7.519

(Nguồn: BCTC kiểm toán Công ty mẹ năm 2013 và năm 2014)

Bảng 16: Các khoản phải nộp theo luật định (Hợp nhất)

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2013	31/12/2014
Thuế giá trị gia tăng	21	4.244
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.660	7.663
Thuế thu nhập cá nhân	42	43
Các loại thuế khác	0	0
Tổng cộng	10.723	11.950

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2013 và năm 2014)

Công ty luôn thực hiện nghiêm túc việc thanh toán các khoản phải nộp theo luật định đúng quy định của Nhà nước.

❖ Trích lập các quỹ theo luật định

Công ty trích lập và sử dụng các quỹ theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Cụ thể như sau:

- Quỹ đầu tư phát triển: được trích lập theo nghị quyết của Đại hội cổ đông
- Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích lập theo nghị quyết của Đại hội cổ đông

Tình hình trích lập các Quỹ tại công ty như sau:

**Bảng 17: Tình hình trích lập các Quỹ (Công ty mẹ)***ĐVT: Triệu đồng*

Năm	31/12/2013	31/12/2014
Quỹ khen thưởng phúc lợi	32	22
Quỹ đầu tư phát triển	-	-
Tổng cộng	32	22

*(Nguồn: BCTC kiểm toán Công ty mẹ năm 2013 và BCTC năm 2014 Công ty mẹ do Công ty lập)***Bảng 18: Tình hình trích lập các Quỹ (Hợp nhất)***ĐVT: Triệu đồng*

Năm	31/12/2013	31/12/2014
Quỹ khen thưởng phúc lợi	32	22
Quỹ đầu tư phát triển	-	-
Tổng cộng	32	22

*(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2013 và BCTC hợp nhất năm 2014 do Công ty lập)*Tình hình công nợ hiện nay

- Các khoản phải thu

Bảng 19: Các khoản phải thu (Công ty mẹ)*ĐVT: Triệu đồng*

Năm	31/12/2013	31/12/2014
Các khoản phải thu ngắn hạn	128.121	297.370
Phải thu của khách hàng	37.605	185.996
Trả trước cho người bán	9.069	9.807
Các khoản phải thu khác	95.432	112.288
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(13.985)	(10.721)

(Nguồn: BCTC kiểm toán Công ty mẹ năm 2013 và năm 2014)

**Bảng 20: Các khoản phải thu (Hợp nhất)**

ĐVT: Triệu đồng

Năm	31/12/2013	31/12/2014
Các khoản phải thu ngắn hạn	99.776	342.847
Phải thu của khách hàng	37.605	239.946
Trả trước cho người bán	17.412	72.897
Các khoản phải thu khác	58.743	40.725
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(13.985)	(10.721)

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2013 và năm 2014)

Các khoản phải thu ngắn hạn của Công ty mẹ và hợp nhất đều tăng trong năm 2014, sự gia tăng này chủ yếu đến từ khoản mục Phải thu của khách hàng. Có điều này chủ yếu là do Công ty mở rộng quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh và doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty tăng mạnh dẫn tới các khoản phải thu của khách hàng cũng gia tăng tương ứng. Mặt khác, trong năm 2014, để mở rộng quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty đã tích cực tìm kiếm thêm nhiều bạn hàng và đối tác mới, vì vậy Công ty đã áp dụng chính sách bán hàng trả chậm linh hoạt để có thể thu hút nhiều đối tác tiềm năng.

Tuy nhiên, Công ty luôn kiểm soát các khoản phải thu một cách chặt chẽ. Khả năng thanh toán của khách hàng luôn được đánh giá và kiểm tra. Do vậy, các khoản phải thu của Công ty đều đảm bảo được khả năng thu hồi.

Ngoài ra, khoản mục Trả trước cho người bán cũng tăng trong BCTC hợp nhất, nguyên nhân là do các Công ty con bắt đầu vào giai đoạn đầu tư mở rộng nên cần phải ứng trước tiền cho các đơn vị cung cấp nguyên vật liệu đầu vào.

- Các khoản phải trả

Bảng 21: Các khoản phải trả (Công ty mẹ)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Khoản mục	31/12/2013	31/12/2014
I	Nợ ngắn hạn	97.580	115.646
1	Vay và nợ ngắn hạn	60.670	64.206
2	Phải trả người bán	10.459	37.697
3	Người mua trả tiền trước	5.541	4.530
4	Thuế và các khoản phải nộp NN	10.695	7.519
5	Phải trả người lao động	114	90
6	Chi phí phải trả	2.093	953
7	Các khoản phải trả, phải nộp khác	7.976	629



8	Quỹ khen thưởng phúc lợi	32	22
II	Nợ dài hạn	-	-
1	Vay và nợ dài hạn	-	-
2	Phải trả dài hạn khác	-	-
	Tổng cộng	97.580	115.646

(Nguồn: BCTC kiểm toán Công ty mẹ năm 2013 và năm 2014)

Bảng 22: Các khoản phải trả (Hợp nhất)

DVT: Triệu đồng

STT	Khoản mục	31/12/2013	31/12/2014
I	Nợ ngắn hạn	99.229	126.832
1	Vay và nợ ngắn hạn	61.620	64.206
2	Phải trả người bán	10.698	43.952
3	Người mua trả tiền trước	5.541	4.530
4	Thuế và các khoản phải nộp NN	10.724	11.950
5	Phải trả người lao động	381	522
6	Chi phí phải trả	2.093	953
7	Các khoản phải trả, phải nộp khác	8.139	697
8	Quỹ khen thưởng phúc lợi	32	22
II	Nợ dài hạn	-	-
1	Vay và nợ dài hạn	-	-
2	Phải trả dài hạn khác	-	-
	Tổng cộng	99.229	126.832

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2013 và năm 2014)

- Chi tiết các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác cho đến thời điểm 31/12/2014

Bảng 23: Chi tiết các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác (Công ty mẹ)

DVT: Triệu đồng

Đối tượng	31/12/2013	31/12/2014
Kinh phí công đoàn	61	44
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, thất nghiệp	7	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	7.908	585
Tổng cộng	7.976	629

(Nguồn: BCTC kiểm toán Công ty mẹ năm 2013 và năm 2014)

**Bảng 24: Chi tiết các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác (Hợp nhất)**

ĐVT: Triệu đồng

Đối tượng	31/12/2013	31/12/2014
Kinh phí công đoàn	74	100
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, thất nghiệp	43	12
Các khoản phải trả, phải nộp khác	8.023	585
Tổng cộng	8.139	697

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2013 và năm 2014)

Các khoản phải trả thay đổi không lớn trong năm 2014, trong đó, khoản mục Phải trả người bán tăng đáng kể do việc Công ty mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, theo đó các chi phí đầu vào tương ứng gia tăng, và đương nhiên việc chiếm dụng vốn của các nhà cung cấp cũng tăng.

Các khoản phải trả phải nộp khác giảm, nguyên nhân chủ yếu là do trong năm 2013 Công ty chưa thực hiện chi trả trả cổ tức cho cổ đông. Đến năm 2014, khi dòng tiền thu ổn định từ các hoạt động sản xuất kinh doanh chính Công ty đã thực hiện chi trả hết số cổ tức này cho cổ đông, theo đó số dư của khoản mục phải trả, phải nộp khác còn không đáng kể.

- Chi tiết các khoản vay của Công ty đến thời điểm 31/12/2014

Bảng 25: Chi tiết các khoản vay của Công ty đến thời điểm 31/12/2014 (Công ty mẹ)

ĐVT: Triệu đồng

Đối tượng cho vay	31/12/2013	31/12/2014
Vay ngắn hạn	60.670	64.206
Ngân hàng Đầu tư và phát triển Quảng Nam	3.856	-
Ngân hàng TMCP Đông Á Quảng Nam	56.814	1.471
Công ty chứng khoán NH NN&PTNT	-	4.888
Công ty chứng khoán MB	-	6.398
Công ty chứng khoán SHS	-	3.985
Công ty chứng khoán SSI	-	47.364
Cá nhân	-	100

(Nguồn: BCTC kiểm toán Công ty mẹ năm 2013 và năm 2014)

**Bảng 26: Chi tiết các khoản vay của Công ty đến thời điểm 31/12/2014 (Hợp nhất)**

ĐVT: Triệu đồng

Đối tượng cho vay	31/12/2013	31/12/2014
Vay ngắn hạn	61.620	64.207
Ngân hàng Đầu tư và phát triển Quảng Nam	3.856	-
Ngân hàng TMCP Đông Á Quảng Nam	56.814	1.472
Công ty chứng khoán NH NN&PTNT	-	4.888
Công ty chứng khoán MB	-	6.398
Công ty chứng khoán SHS	-	3.985
Công ty chứng khoán SSI	-	47.364
Cá nhân	950	100

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2013 và năm 2014)

12.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**Bảng 27: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty mẹ**

Các chỉ tiêu tài chính cơ bản	Đơn vị tính	Năm 2013	Năm 2014
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: (Tổng tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	lần	1,90	3,32
+ Hệ số thanh toán nhanh: (Tài sản ngắn hạn- Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	lần	1,90	3,31
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	26,33%	12,17%
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	32,24%	13,86%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho: (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	vòng	5,17	716,43
+ Vòng quay tổng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân)	vòng	0,36	0,38
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	44,91%	8,86%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu BQ	%	21,05%	3,97%



Các chỉ tiêu tài chính cơ bản	Đơn vị tính	Năm 2013	Năm 2014
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản BQ	%	16,20%	3,40%
+ Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	27,74%	10,35%
+ Thu nhập trên cổ phần (EPS)	VNĐ/CP	2.227	487

(Nguồn: BCTC kiểm toán Công ty mẹ năm 2013 và năm 2014)

Bảng 28: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu hợp nhất

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2013	Năm 2014
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,43	3,49
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,42	3,47
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	17,63%	11,83%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	22,87%	14,09%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho: (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	vòng	5,14	227,13
Vòng quay tổng tài sản: (Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân)	vòng	0,35	0,48
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	44,40%	23,21%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu BQ	%	20,94%	13,74%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản BQ	%	15,63%	11,21%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	26,94%	15,13%
Thu nhập trên cổ phần (EPS)	đồng/CP	2.213	1.774

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2013 và năm 2014)

**13. Hội đồng quản trị, Ban lãnh đạo, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng****Bảng 29: Danh sách lãnh đạo chủ chốt**

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu		Tỷ lệ %/ VDL
			Cá nhân	Đại diện	
Hội đồng quản trị					
1	Trần Xuân Hiếu	Chủ tịch HĐQT	200.000	0	0,267
2	Nguyễn Ga Nốp	Thành viên HĐQT	0	0	0
3	Nguyễn Thắng Lợi	Thành viên HĐQT	2.250	0	0,003
4	Nguyễn Ngọc Quyền	Thành viên HĐQT	0	0	0
Ban Kiểm soát					
1	Nguyễn Thị Phương	Trưởng BKS	0	0	0
2	Lê Đức Minh	Thành viên BKS	0	0	0
3	Nguyễn Đình Quyết	Thành viên BKS	0	0	0
Ban lãnh đạo					
1	Trần Xuân Hiếu	Tổng giám đốc	200.000	0	0,267
Kế toán trưởng					
1	Lê Khiếu Phương	Kế toán trưởng	0	0	0

(Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Quảng Nam)

Sơ yếu lý lịch Hội đồng quản trị, Ban lãnh đạo, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng**❖ Ông Trần Xuân Hiếu – Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc**

Họ và tên: **Trần Xuân Hiếu**
Giới tính: **Nam**
Ngày tháng năm sinh: **10/11/1978**
Nơi sinh: **Hà Nội**
CMND: **012870853, cấp ngày 27/08/2009 tại CA Hà Nội**
Quốc tịch: **Việt Nam**
Dân tộc: **Kinh**
Địa chỉ thường trú: **Cầu Giấy, Hà Nội**
Điện thoại: **0510 3946 345**



Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác:	
- 2003-2008	<i>Trưởng phòng Kinh doanh Công ty TNHH Bình Minh</i>
- 2008- 2011	<i>Phó Giám đốc CTCP Khoáng sản Bình Định</i>
2011-2012	<i>Thành viên HĐQT công ty Cổ phần Khoáng Sản Miền Trung</i>
- 8/2013 - Nay	<i>Tổng Giám đốc Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Quảng Nam</i>
Chức vụ hiện nay	Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Quảng Nam
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Không
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ:	200.000 cổ phần, chiếm 0,267% vốn điều lệ
Trong đó:	
+ Sở hữu cá nhân:	200.000 cổ phần (tương ứng 0,267% vốn điều lệ)
+ Được ủy quyền đại diện:	0 cổ phần (tương ứng 0% vốn điều lệ)
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan:	Không có

❖ **Ông Nguyễn Ga Nốp – Thành viên HĐQT**

Họ và tên:	Nguyễn Ga Nốp
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	30/09/1978
Nơi sinh:	Hà Nội
CMND:	011931216
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Hà Nội
Địa chỉ thường trú:	Tổ dân phố số 02, Phường Phú Đô, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội
Điện thoại:	0510 3946 345
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư xây dựng dân dụng và công nghiệp
Quá trình công tác:	



- 2002 – 2003	Cán bộ kỹ thuật thi công
- 2003 - 2005	Tư vấn giám sát Trưởng tại Trung tâm kiểm định – Công ty cổ phần tư vấn công nghệ, thiết bị và kiểm định xây dựng CONINCO
- 2005 - 2008	Trưởng Giám sát thi công Ban QLDA cụm công nghiệp Phùng, Đan Phượng, Hà Nội
- 2008 – 2010	Tư vấn giám sát Trưởng tại Công ty cổ phần đầu tư và tư vấn thiết kế BIC VN
- 2010 – 2012	Phó Giám đốc Công ty CP Đầu tư và Xây lắp 18
Chức vụ hiện nay	Thành viên HĐQT CTCP Đầu Tư Cao su Quảng Nam
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Không
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ:	0 cổ phần
<i>Trong đó:</i>	
+ Sở hữu cá nhân:	0 cổ phần (tương ứng 0% vốn điều lệ)
+ Được ủy quyền đại diện:	0 cổ phần (tương ứng 0% vốn điều lệ)
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan:	Không có

❖ **Ông Nguyễn Thắng Lợi – Thành viên HĐQT**

Họ và tên:	Nguyễn Thắng Lợi
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	12/12/1980
Nơi sinh:	Thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
CMND:	211638923, cấp ngày 08/12/2007 tại Bình Định
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	Số 17, Võ Phước, phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
Điện thoại:	0510 3946 345
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân
Quá trình công tác:	



- 2009 – 06/2013	<i>Phó Giám đốc Công ty TNHH Thương mại Hoài Mỹ</i>
- 06/2013 - nay	<i>Giám đốc Công ty cổ phần Khoáng sản Quảng Nam</i>
Chức vụ hiện nay	Thành viên HĐQT CTCP Đầu Tư Cao su Quảng Nam
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Giám đốc Công ty cổ phần Khoáng sản Quảng Nam
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ:	2.250 cổ phần, chiếm 0,003% vốn điều lệ
<i>Trong đó:</i>	
+ <i>Sở hữu cá nhân:</i>	<i>2.250 cổ phần (tương ứng 0,003% vốn điều lệ)</i>
+ <i>Được ủy quyền đại diện:</i>	<i>0 cổ phần (tương ứng 0% vốn điều lệ)</i>
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan:	Không có

❖ **Ông Nguyễn Ngọc Quyền – Thành viên HĐQT**

Họ và tên:	Nguyễn Ngọc Quyền
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	2/7/1965
Nơi sinh:	Hà Nội
CMND:	111831235 cấp ngày: 03/7/2009 tại: CA TP Hà Nội
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	C5 Khu tập thể Ngân hàng Yên Xá - Tân Triều – Thanh Trì – Hà Nội
Điện thoại:	0510 3946 345
Trình độ văn hóa:	10/10
Trình độ chuyên môn:	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh quốc tế
Quá trình công tác:	
- 9/1983 – 1985	<i>Cán bộ phòng hành chính chi nhánh ngân hàng huyện Thanh Oai</i>
- 1986 – 1988	<i>Cán bộ tín dụng chi nhánh ngân hàng huyện Thanh Oai</i>
- 1989 – 2004	<i>Cán bộ tín dụng ngân hàng Công thương tỉnh Hà Tây</i>
- 2005 – 2006	<i>Phó phòng kinh doanh ngân hàng Công thương tỉnh Hà Tây</i>
- 2007 đến nay	<i>Phó giám đốc - Chủ tịch Công Đoàn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam chi nhánh Láng Hòa Lạc Hà Nội</i>



Chức vụ hiện nay	Thành viên HĐQT CTCP Đầu Tư Cao su Quảng Nam
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Phó giám đốc - Chủ tịch Công Đoàn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam chi nhánh Láng Hòa Lạc Hà Nội
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ:	0 cổ phần
<i>Trong đó:</i>	
+ Sở hữu cá nhân:	0 cổ phần (tương ứng 0% vốn điều lệ)
+ Được ủy quyền đại diện:	0 cổ phần (tương ứng 0% vốn điều lệ)
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan:	Không có

❖ **Bà Nguyễn Thị Phương – Trưởng Ban kiểm soát**

Họ và tên:	Nguyễn Thị Phương
Giới tính:	Nữ
Ngày tháng năm sinh:	26/07/1989
Nơi sinh:	Hà Nội
CMND:	112377064
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	73 Lê Hồng Phong – Hà Đông- Hà Nội
Địa chỉ thường trú:	73 Lê Hồng Phong – Hà Đông- Hà Nội
Điện thoại:	0510 3946 345
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác:	
- 2010 - 2012	<i>Kế toán Công ty cổ phần Khoáng sản DV</i>
- 2013 - Nay	<i>Kế toán Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Tona</i>
Chức vụ hiện nay	Trưởng ban kiểm soát CTCP Đầu Tư Cao su Quảng Nam
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Không
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ:	0 cổ phần



Trong đó:

+ Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần (tương ứng 0% vốn điều lệ)

+ Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng 0% vốn điều lệ)

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan: Không có

❖ Ông Lê Đức Minh – Thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên: Lê Đức Minh

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 02/08/1982

Nơi sinh: Thanh Hóa

CMND: 171681305

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Minh Dân, Triệu Sơn, Thanh Hóa

Địa chỉ thường trú: Minh Dân, Triệu Sơn, Thanh Hóa

Điện thoại: 0510 3946 345

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán kiểm toán - Đại học KTQD

Quá trình công tác:

- 2005-2010

Trợ lý kiểm toán viên Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán

- 2010 đến nay

Phó trưởng phòng kiểm toán Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (nay là Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC)

Chức vụ hiện nay: Thành viên Ban kiểm soát

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Phó trưởng phòng kiểm toán Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (nay là Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC)

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ: 0 cổ phần

Trong đó:

+ Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần (tương ứng 0% vốn điều lệ)

+ Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng 0% vốn điều lệ)

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan: Không có

❖ Ông Nguyễn Đình Quyết – Thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên:	Nguyễn Đình Quyết
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	23/01/1979
Nơi sinh:	Hà Tĩnh
CMND:	201430109
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Tổ 28 phường Khuê Mỹ, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng
Địa chỉ thường trú:	Tổ 28 phường Khuê Mỹ, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng
Điện thoại:	0510 3946 345
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân luật
Quá trình công tác:	
- 2000-2006	<i>Chuyên viên Phòng Tổ chức Hành chính, Thư ký HĐQT Chi nhánh Tổng Công ty xây dựng Công nghiệp Việt Nam tại miền Trung</i>
- 2010 -2007	<i>Công ty CP Đầu tư Xây dựng miền Trung</i> <i>Chuyên viên, Phụ trách Phòng Hành chính Nhân sự Công ty Liên doanh Khải Thiện</i>
- 6-10/2007	<i>Trưởng phòng Nhân sự Tổng hợp Công ty CP Nhựa Việt Hàn</i>
- 11/2007-04/2012	<i>Phó trưởng phòng Hành chính Quản trị</i> <i>Trưởng BP Hành chính Tổng hợp/ Hành chính Thanh tra</i> <i>Thư ký ISO Công ty</i> <i>Công ty CP Đầu tư và Sản xuất Việt Hàn</i>
Chức vụ hiện nay	Thành viên ban kiểm soát
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Không
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không



QUANG NAM

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ: 0 cổ phần

Trong đó:

+ *Sở hữu cá nhân:* 0 cổ phần (tương ứng 0% vốn điều lệ)

+ *Được ủy quyền đại diện:* 0 cổ phần (tương ứng 0% vốn điều lệ)

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan: Không có

❖ Ông Lê Khiếu Phương – Kế toán trưởng

Họ và tên:	Lê Khiếu Phương
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	03/04/1977
Nơi sinh:	Nghệ An
CMND:	011893335 do CA Hà Nội cấp ngày 04/04/2013
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Hà Tĩnh
Địa chỉ thường trú:	114 Nguyễn Ngọc Nại, Thanh Xuân, Hà Nội
Điện thoại:	0510 3946 345
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kế toán
Quá trình công tác:	
- 2000-2001	<i>Kế toán hãng Kodak</i>
- 2002 -2004	<i>Kế toán trạm trộn bê tông – TCT XD Sông Đà</i>
- 2005-2007	<i>Kế toán trưởng xí nghiệp xây lắp Na Hang</i>
- 2008-2012	<i>Kế toán trưởng BQL KCN Yên Phong 2</i>
Chức vụ hiện nay	Kế toán trưởng CTCP Đầu Tư Cao su Quảng Nam
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Không
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ:	0 cổ phiếu
<i>Trong đó:</i>	
+ <i>Sở hữu cá nhân:</i>	<i>0 cổ phần (tương ứng 0% vốn điều lệ)</i>
+ <i>Được ủy quyền đại diện:</i>	<i>0 cổ phần (tương ứng 0% vốn điều lệ)</i>
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan:	0 cổ phiếu

**14. Tài sản và nguồn vốn**

Giá trị tài sản theo báo cáo tài chính kiểm toán tại thời điểm 31/12/2014 như sau:

Bảng 30: Tài sản cố định và Bất động sản đầu tư (Công ty mẹ)*ĐVT: Triệu đồng*

TT	Chỉ tiêu	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
A	Tài sản cố định hữu hình và vô hình	8.867	3.971	4.896
I	Tài sản cố định hữu hình	8.192	3.412	4.780
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	0	0	0
2	Máy móc, thiết bị	1.280	1.037	243
4	Phương tiện vận tải truyền dẫn	306	274	31
5	Thiết bị văn phòng	4.701	196	4.505
6	Tài sản cố định khác	1.905	1.905	0
II	Tài sản cố định vô hình	675	559	116
1	Phần mềm kế toán	675	559	116
B	Bất động sản đầu tư	0	0	0
1	Quyền sử dụng đất	0	0	0
2	Khác	0	0	0

*(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014 Công ty mẹ)***Bảng 31: Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Công ty mẹ)***ĐVT: Triệu đồng*

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		Giá trị
1	Bất động sản đầu tư (KCN An Lưu)	8.910
2	Dự án cao ốc D'Evelyn (Lotus Plaza)	-
3	Mua nhà và đất 243/11 Nguyễn Văn Hưởng	-
4	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	2.093
Tổng cộng		11.003

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014 Công ty mẹ)

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại thời điểm 31/12/2014: 407.711.099 đồng.

**Bảng 32: Tài sản cố định và Bất động sản đầu tư (Hợp nhất)**

ĐVT: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
A	Tài sản cố định hữu hình và vô hình	9.957	4.251	5.590
I	Tài sản cố định hữu hình	9.282	3.692	5.590
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	328	146	181
2	Máy móc, thiết bị	1.889	1.088	801
3	Phương tiện vận tải truyền dẫn	4.811	259	4.552
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	348	294	54
5	Tài sản cố định khác	1.905	1.905	-
II	Tài sản cố định vô hình	675	559	116
1	Quyền sử dụng đất	-	-	-
2	Phần mềm máy tính	675	559	116
B	Bất động sản đầu tư	91.232	0	91.232
1	Quyền sử dụng đất	91.232	-	91.232
2	Khác	-	-	-

(Nguồn: BCTC Hợp nhất kiểm toán năm 2014)

Bảng 33: Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Hợp nhất)

ĐVT: Triệu đồng

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		Giá trị
1	Bất động sản đầu tư (KCN An Lưu)	8.910
2	Dự án trồng cây cao su	150.302
3	Dự án cao ốc D'Evelyn (Lotus Plaza)	13.389
4	Dự án khoáng sản	1.735
5	Dự án tái chế nhựa	86
6	Mua nhà và đất 243/11 Nguyễn Văn Hường	-
7	Khu du lịch nghỉ dưỡng	529
8	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	272
Tổng cộng		175.152

(Nguồn: BCTC Hợp nhất kiểm toán năm 2014)

15. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong những năm tiếp theo

Bảng 34: Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2015 - 2016

Chỉ tiêu	Năm 2015		Năm 2016	
	Kế hoạch (triệu VND)	% tăng giảm so với năm 2014	Kế hoạch (triệu VND)	% tăng giảm so với năm 2015
Vốn điều lệ (*)	1.500.000	100%	1.500.000	0,00%
Tổng doanh thu	950.000	103%	1.500.000	58%
Lợi nhuận sau thuế	225.000	143%	330.000	47%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	23,68%	-	21,90%	-
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ bình quân	20,00%	-	20,00%	-
Cổ tức	10%	-	10%	-

(Nguồn: Công ty cổ phần Đầu tư Cao su Quảng Nam)

Căn cứ để đạt được kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong giai đoạn 2015 - 2016

Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Công ty được lập căn cứ vào dự đoán và ước tính dựa trên các thông tin giả định tại thời điểm lập kế hoạch. Các ước tính này có thể được điều chỉnh khi tình hình thực tế có nhiều thay đổi.

Trong giai đoạn 2015 - 2016, Công ty sẽ tiếp tục tập trung vào chăm sóc và trồng mới cây cao su với diện tích hơn 13,303 ha và tăng mạnh diện tích khai thác cao su đến tuổi thu hoạch. Đồng thời, tiến hành mua thêm các diện tích cao su tại phía Nam Trung Bộ và khu vực Tây Nguyên. Cao su Quảng Nam sẽ tiến hành triển khai định hướng phát triển sản phẩm cao su có giá trị cao thay thế sản phẩm truyền thống là mủ cao su tự nhiên.

Năm 2014, VHG đã mở rộng hoạt động kinh doanh của mình sang lĩnh vực thương mại. Trong giai đoạn tiếp theo, Công ty sẽ tiếp tục mở rộng thị trường, tìm kiếm đối tác, phân phối sản phẩm tại khu vực mới, đồng thời cung cấp thêm các loại hàng hóa khác.

Trong năm tới, VHG cũng tiếp tục đẩy mạnh hoạt động đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng bằng việc tham gia đấu thầu thực hiện các dự án trọng điểm của thành phố Đà Nẵng và các tỉnh lân cận. Cũng trong giai đoạn này, việc chuyển nhượng dự án D'Evelyn số 09 Lê Duẩn cũng sẽ đóng góp đáng kể vào Doanh thu và Lợi nhuận của Công ty. Cùng với đó, việc bắt đầu đi vào



khai thác mỏ đá tại Bình Định sẽ giúp Công ty có thêm nguồn Doanh thu và Lợi nhuận ổn định trong thời gian tới.

16. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Với tư cách là một tổ chức tư vấn tài chính chuyên nghiệp, Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Dương đã tiến hành thu thập các thông tin; nghiên cứu, phân tích và đánh giá một cách cẩn trọng và hợp lý về hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Quảng Nam. Căn cứ trên năng lực hiện tại và triển vọng phát triển trong tương lai, nếu không có những biến động bất thường gây ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp, thì kế hoạch lợi nhuận mà Công ty đã đề ra trong những năm tới là phù hợp và khả thi, kế hoạch trả cổ tức cho cổ đông của Công ty trong năm 2015, 2016 có thể được đảm bảo thực hiện.

Chúng tôi xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, căn cứ vào những thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính - chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Những nhận xét nêu trên chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư. Nhà đầu tư cần tự mình phân tích và đưa ra các quyết định đầu tư phù hợp với mục đích, chiến lược đầu tư của mình.

17. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành

Không có.

18. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu chào bán

Không có.

**V. Cổ phiếu chào bán**

1. **Loại cổ phiếu:** Cổ phần phổ thông
2. **Mệnh giá:** 10.000 VNĐ/cổ phần
3. **Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán:** 75.000.000 cổ phần (Bảy mươi lăm triệu cổ phần)
4. **Đối tượng chào bán:** Cổ đông hiện hữu
5. **Tỷ lệ chào bán:** tỷ lệ 1:1, theo đó Cổ đông sở hữu 01 cổ phần tại ngày hưởng quyền sẽ được 01 quyền mua, mỗi quyền mua sẽ được mua 01 cổ phần tặng vốn. Tổng số cổ phần cổ đông được mua sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị.
 - Xử lý số cổ phiếu từ chối mua: Số lượng cổ phiếu mà cổ đông hiện hữu được mua nhưng từ chối mua toàn bộ hoặc một phần phát sinh sau khi phân phối cho cổ đông hiện hữu, ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty phân phối lại cho các đối tượng khác, với giá bán không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu, đảm bảo đợt phát hành tặng vốn được thành công và đem lại lợi ích cao nhất cho Công ty và cổ đông.
 - Các cổ đông có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phần cho người khác theo giá thỏa thuận của 2 bên và chỉ được chuyển nhượng một lần (không được chuyển nhượng cho người thứ 3).
6. **Giá chào bán dự kiến:** **10.000 VNĐ/cổ phiếu**

7. Phương pháp tính giá

- Giá trị sổ sách của Công ty theo báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 31/12/2014 là: 12.030 VNĐ/cổ phần
- Giá trị sổ sách của Công ty theo báo cáo tài chính Công ty mẹ tại ngày 31/12/2014 là: 11.134 VNĐ /cổ phần
- Giá trị thị trường giao dịch của cổ phiếu VHG tại ngày 04/03/2015: 13.100 VNĐ/Cổ phần

Toàn bộ khối lượng cổ phần của VHG chào bán đợt này đều cho cổ đông hiện hữu. Do việc phát hành liên quan đến quyền lợi của các cổ đông này nên đây là đối tượng ưu tiên trong quá trình phân phối. Đồng thời căn cứ vào tình hình thị trường chứng khoán, nhu cầu sử dụng vốn của VHG, giá trị thị trường và giá trị sổ sách của Công ty được tính toán cùng với việc đảm bảo cho đợt phát hành diễn ra thành công nên giá chào bán cho cổ đông hiện hữu được xác định ở mức 10.000 VNĐ/cổ phiếu.

8. Phương thức phân phối

- Đối với các cổ đông đã lưu ký chứng khoán: Công ty sẽ phối hợp với Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) phân phối và thông báo quyền mua cho các cổ đông thông qua các Công ty Chứng khoán - Thành viên lưu ký của VSD.



- Đối với các cổ đông chưa lưu ký chứng khoán: Công ty sẽ thông báo, phân bổ quyền mua trực tiếp đến từng cổ đông. Việc phân phối chứng khoán được thực hiện tại trụ sở Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Quảng Nam (Thôn Phú Sơn, Xã Ba, Huyện Đông Giang, Tỉnh Quảng Nam).
- Thời điểm cụ thể chốt danh sách cổ đông được quyền mua cổ phiếu phát hành thêm sẽ được Công ty công bố tới tất cả các cổ đông trong vòng 07 (bảy) ngày kể từ ngày Công ty nhận được Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

9. Thời gian phân phối cổ phiếu

- Việc phân phối cổ phần chào bán dự kiến sẽ được tiến hành tối đa trong vòng 90 ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán có hiệu lực. Lịch trình chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu dự kiến như sau:

Bảng 35: Lịch trình chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu

STT	Nội dung công việc	Thời gian
	Dự kiến	Quý I – II /2015
1	Nhận được cấp phép chào bán chứng khoán ra công chúng.	D
2	Xác định ngày lập Danh sách sở hữu cuối cùng và thông báo chốt danh sách cổ đông với Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) và Sở Giao dịch Chứng Hà Nội để triển khai.	D + 5
3	Công bố thông tin về đợt chào bán trên báo điện tử hoặc báo viết trong 03 số liên tiếp.	D đến D +7
4	Ngày giao dịch không hưởng quyền.	D + 10
5	Ngày đăng ký cuối cùng.	D + 12
6	Phối hợp cùng VSD phân bổ và thông báo danh sách phân bổ quyền mua cổ phiếu đến các thành viên lưu ký và các cổ đông chưa lưu ký chứng khoán.	D + 18 đến D + 24
7	Các cổ đông hiện hữu tiến hành đăng ký, chuyển nhượng quyền và nộp tiền mua cổ phần	D + 25 đến D + 45
8	Thành viên lưu ký (TVLK) tổng hợp việc thực hiện quyền của cổ đông hiện hữu và chuyển về cho VSD.	D + 52
9	VSD gửi danh sách cổ đông thực hiện quyền mua và chuyển tiền vào tài khoản phong tỏa	D + 54
10	Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu với UBCKNN; Nộp Hồ sơ đăng ký lưu ký bổ sung và đăng ký niêm yết bổ sung	D + 57
11	Nhận giấy phép lưu ký bổ sung và đăng ký niêm yết bổ sung	D + 67
12	Công bố báo chí về việc niêm yết bổ sung	D + 67
13	Trao trả giấy chứng nhận sở hữu cổ phần cho các cổ đông chưa lưu ký	D + 58 đến D + 68
14	Cổ phiếu được chào bán thêm chính thức giao dịch	D + 70

(Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Quảng Nam)



10. Đăng ký mua cổ phiếu

▪ Thời hạn:

Thời gian đăng ký mua cổ phiếu sẽ phụ thuộc vào thời gian phân phối cổ phiếu. Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Quảng Nam sẽ thông báo thời gian đăng ký cụ thể trong Bản thông báo phát hành và đảm bảo thời hạn đăng ký mua chứng khoán cho nhà đầu tư tối thiểu là 20 (hai mươi) ngày theo đúng quy định. Danh sách cổ đông tại thời điểm chốt danh sách là cơ sở đăng ký thực hiện quyền mua cổ phần mới chào bán theo tỷ lệ được mua đã quy định. Các cổ đông mở tài khoản và lưu ký cổ phiếu ở thành viên lưu ký nào sẽ đăng ký thực hiện quyền tại thành viên lưu ký đó. Cổ đông chưa thực hiện lưu ký thì đăng ký thực hiện quyền tại VHG.

▪ Số lượng quyền mua cổ phiếu: 75.000.000 quyền mua

▪ Phương thức thanh toán quyền mua cổ phần

- Đối với cổ đông đã lưu ký cổ phần tại các Công ty chứng khoán: việc đăng ký mua cổ phần, thanh toán tiền mua và chuyển giao cổ phần được thực hiện tại các công ty chứng khoán nơi cổ đông mở tài khoản.
- Đối với cổ đông chưa lưu ký cổ phần tại các Công ty chứng khoán: việc đăng ký mua cổ phần, chuyển nhượng quyền mua cổ phần, thanh toán tiền mua và chuyển giao cổ phần được thực hiện tại Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Quảng Nam.

▪ Chuyển giao cổ phiếu

Trong vòng 30 ngày sau khi hoàn tất đợt phát hành, VHG sẽ chuyển giao Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần cho các cổ đông chưa lưu ký tại Trụ sở chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Quảng Nam.

▪ Quyền lợi người mua cổ phiếu: Là quyền lợi của cổ động của Công ty, được quy định chi tiết tại Luật Doanh nghiệp và điều lệ của Công ty cổ phần Đầu Tư Cao su Quảng Nam

11. Phương thức thực hiện quyền

- Điều kiện thực hiện quyền: Các cổ đông thuộc Danh sách người sở hữu cuối cùng tại ngày chốt danh sách phân bổ quyền mua.
- Đây là trường hợp Công ty thực hiện phát hành thêm cổ phần phổ thông và chào bán số cổ phần đó cho tất cả cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ cổ phần hiện có của cổ đông tại Công ty.
- Cổ đông sau khi nhận được thông báo về việc sở hữu quyền mua cổ phiếu, thực hiện quyền mua (chuyển nhượng quyền mua và đăng ký mua cổ phiếu) theo hướng dẫn tại mục V.6 , V.7, V.8, V.9 và V.10 của Bản cáo bạch này.

12. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Sau khi niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, tỷ lệ nắm giữ của người nước ngoài tuân theo quy định tại Quyết định số 55/2009/QĐ-TTg ngày 15 tháng 04 năm 2009 của



Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài trên Thị trường chứng khoán Việt Nam thì tổ chức, cá nhân nước ngoài mua bán trên SGDCK được nắm giữ tối đa 49% tổng số cổ phiếu phát hành ra công chúng. Trong trường hợp cổ đông nước ngoài đã nắm giữ vượt tỷ lệ 49% tổng số cổ phiếu phát hành ra công chúng trước khi cổ phiếu được niêm yết thì phải thực hiện bán cổ phiếu đó để đảm bảo tỷ lệ nắm giữ của bên nước ngoài tối đa là 49%.

13. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng

- Các cổ đông có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phần của mình trong thời gian quy định nhưng chỉ được chuyển nhượng một lần và không chuyển nhượng cho người thứ ba;
- Số lượng cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu trong đợt này, là cổ phiếu phổ thông không bị hạn chế chuyển nhượng kể từ ngày phân phối.

14. Các loại thuế có liên quan

Đối với nhà đầu tư cá nhân

- Theo Luật Thuế Thu nhập Cá nhân số 04/2007/QH12, ban hành ngày 21/11/2007 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân ngày 22 tháng 11 năm 2012, Nghị định số 65/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 06 năm 2013, Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 08 năm 2013 và một số văn bản hướng dẫn, sửa đổi bổ sung khác cũng đã được ban hành nhằm hướng dẫn thi hành Luật Thuế Thu nhập Cá nhân. Theo đó:
 - Thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân bao gồm: Thu nhập từ đầu tư vốn (lợi tức cổ tức) và thu nhập từ chuyển nhượng vốn (thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán).

Mức thuế suất đối với từng loại như sau:

- Thuế suất đối với thu nhập từ đầu tư vốn (lợi tức cổ tức): 5%.
- Thuế suất đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn (thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán) được xác định như sau:
 - Trường hợp cá nhân chuyển nhượng chứng khoán đăng ký nộp thuế theo biểu thuế toàn phần với thuế suất là 20% tính trên lãi chuyển nhượng.
 - Trường hợp người chuyển nhượng chứng khoán không đăng ký nộp thuế theo biểu thuế toàn phần với thuế suất 20% thì áp dụng thuế suất 0,1% tính trên giá trị chuyển nhượng chứng khoán từng lần và không phân biệt việc chuyển nhượng được thực hiện tại Việt Nam hay tại nước ngoài.
 - Cá nhân chuyển nhượng chứng khoán đã đăng ký nộp thuế theo thuế suất 20% vẫn phải tạm nộp thuế theo thuế suất 0,1% trên giá trị chuyển nhượng chứng khoán từng lần.

Kỳ tính thuế:



- Kỳ tính thuế đối với cá nhân không cư trú được tính theo từng lần phát sinh thu nhập áp dụng đối với tất cả thu nhập chịu thuế.
- Kỳ tính thuế đối với cá nhân cư trú được quy định như sau: Kỳ tính thuế theo từng lần phát sinh thu nhập áp dụng đối với thu nhập từ đầu tư vốn; thu nhập từ chuyển nhượng vốn. Kỳ tính thuế theo từng lần chuyển nhượng hoặc theo năm đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán.

Đối với nhà đầu tư tổ chức

- Nhà đầu tư là tổ chức đăng ký kinh doanh tại Việt Nam phải chịu một khoản thuế đóng trên phần chênh lệch giá khi bán cổ phiếu như sau:

$$\text{Thuế thu nhập từ chênh lệch giá do bán cổ phiếu} = \text{Thu nhập chịu thuế} \times \text{Thuế suất}$$

Trong đó:

- Thu nhập chịu thuế = Tổng giá trị chứng khoán bán ra trong kỳ - Tổng giá mua chứng khoán được bán ra trong kỳ - Chi phí mua bán chứng khoán + Lãi trái phiếu từ việc nắm giữ trái phiếu.
- Thuế suất = Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp của tổ chức đầu tư.
- Nhà đầu tư là tổ chức nước ngoài không có đăng ký kinh doanh tại Việt Nam, chỉ mở tài khoản giao dịch chứng khoán tại Việt Nam phải chịu một khoản thuế khoán khi bán cổ phiếu như sau:
- Thuế khoán từ việc bán cổ phiếu = Tổng giá trị cổ phiếu bán ra của từng giao dịch chuyển nhượng $\times 0,1\%$.

15. Ngân hàng mở tài khoản phong toả nhận tiền mua cổ phiếu:

Tên Tài khoản: Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Quảng Nam

Số tài khoản: 1483.2010.08944

Mở tại: Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Thủ đô

VI. Mục đích chào bán

1. Mục đích chào bán

Năm 2014, Công ty cổ phần Đầu tư Cao su Quảng Nam đã thực hiện thành công việc tái cấu trúc, tập trung triển khai các dự án cao su và xây dựng hạ tầng. Nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh và định vị Công ty hơn nữa trong các lĩnh vực kinh doanh của VHG, Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2014 của Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Quảng Nam đã thông qua phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, đồng thời cũng thông qua phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán. Theo đó, tổng số tiền thu được từ đợt chào bán sẽ được sử dụng để nâng cao năng lực tài chính, bổ sung vốn lưu động, đẩy mạnh việc triển khai các dự án tiềm năng thông qua đầu tư vào các công ty con và thực hiện đầu tư, liên doanh liên kết, hợp tác với các công ty có tiềm năng trong lĩnh vực hoạt động của Công ty.

2. Phương án khả thi

Năm 2014, nền kinh tế Việt Nam tiếp tục đà phục hồi với tốc độ tăng trưởng GDP đạt 5,98%. Tình hình thị trường tài chính đã có những biến chuyển tích cực, lãi suất giảm, lạm phát thấp nhất trong 10 năm trở lại đây, nhiều dự án hạ tầng trọng điểm được đầu tư mạnh mẽ. Sự hồi phục của nền kinh tế Việt Nam trong năm 2014 là cơ sở quan trọng để các chuyên gia kinh tế cũng như các nhà đầu tư cùng thống nhất và kỳ vọng kinh tế Việt Nam sẽ tiếp tục tăng trưởng mạnh mẽ trong các năm tiếp theo.

Cùng với sự phục hồi của nền kinh tế và những thay đổi tích cực sau thời gian thực hiện tái cấu trúc của Công ty cổ phần Đầu tư Cao su Quảng Nam, việc đầu tư theo chiều sâu và có trọng điểm của Công ty trong năm 2015 dự kiến tiếp tục sẽ gặt hái được nhiều cơ hội thành công.

2.1. Thực hiện đầu tư, liên doanh, liên kết với các Công ty trong cùng lĩnh vực sản xuất kinh doanh

- Số tiền dự kiến thu được từ đợt phát hành để thực hiện việc đầu tư, liên doanh, liên kết với các Công ty trong cùng lĩnh vực hoạt động là 400.000.000.000 đồng.
- Hình thức đầu tư:

VHG thực hiện tìm kiếm các Công ty, các đối tác có tiềm năng phù hợp với chiến lược của VHG, hiện đang có hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với VHG như lĩnh vực trồng, chế biến, sản xuất sâu cao su, hoạt động xây dựng hạ tầng, bất động sản, khai khoáng,... trong đó đặc biệt ưu tiên và tập trung vào lĩnh vực cao su, đối tượng là các Công ty đã niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán, các Công ty nhà nước, các Công ty Cổ phần đại chúng và chưa đại chúng...

Tiếp đó, Công ty sẽ thực hiện đầu tư, liên doanh, liên kết đối với các Công ty này. Cụ thể: Công ty sẽ thực hiện mua cổ phần/phần vốn góp hiện hữu hoặc phát hành tăng thêm của các Công ty này, hoặc phân thoái vốn của các Công ty nhà nước, để trở thành Công ty liên doanh, liên kết



với các Công ty này, nếu nhận thấy có triển vọng lớn Công ty có thể thực hiện mua đến mức sở hữu chi phối.

Mặt khác, VHG cũng sẽ triển khai việc đầu tư liên doanh, liên kết theo hướng ký kết Hợp đồng liên doanh liên kết (có thể dẫn tới việc thành lập pháp nhân mới hoặc không) nhằm thực hiện riêng rẽ Dự án đầu tư cụ thể.

▪ Hiệu quả đầu tư:

- Thị trường cao su trong những năm trở lại đây gặp nhiều khó khăn do giá cao su thế giới liên tục giảm sâu, gây tác động xấu đến tình hình sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp cao su trong nước. Tuy nhiên, xét tình hình tài chính của các doanh nghiệp cao su niêm yết, tuy lợi nhuận sụt giảm qua nhiều năm nhưng hầu hết vẫn duy trì được các yếu tố cơ bản tốt. Tổng tài sản được tài trợ chủ yếu bằng vốn chủ sở hữu, đơn cử như CTCP Cao su Đồng phú (DPR), CTCT Cao su Thống Nhất (TNC), CTCP Cao su Tây Ninh (TRC) có nợ phải trả chưa đến 10% tổng tài sản; nguồn tiền và tương đương tiền vẫn rất dồi dào, khả năng thanh toán bằng tiền mặt hầu hết trên 1 lần, chỉ riêng CTCP Cao su Hòa Bình (HRC), CTCP Cao su Phước Hòa (PHR) dưới 1; lợi nhuận tích lũy chưa phân phối luôn thuộc nhóm dẫn đầu toàn thị trường. Chính vì vậy, xét về mặt tài chính, các công ty cao su thiên nhiên vẫn hoàn toàn đủ khả năng tăng đầu tư, tạo bước đột phá trước bối cảnh khó khăn hiện tại.
- Bên cạnh đó, với diễn biến giá cao su thiên nhiên liên tục giảm sâu, nhiều giải pháp hỗ trợ đã được đưa ra. Theo thỏa thuận của Hiệp hội Cao su Việt Nam (VRA) với Hiệp hội Cao su Indonesia (Gapkindo), Hiệp hội Cao su Thái Lan (TRA) và Tập đoàn Cao su Quốc tế (IRCo) đã khuyến cáo hội viên không bán cao su với giá dưới 1,500 USD/tấn nhằm kiềm chế giá giảm sâu hơn. Mặt khác, vào cuối tháng 08/2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư sửa đổi mức thuế suất xuất khẩu một số mặt hàng cao su thiên nhiên, cao su tổng hợp và cao su hỗn hợp xuống 0%. Thuế suất trước đó là 1%, mức thuế suất mới 0% sẽ được áp dụng từ 02/10/2014. Những giải pháp này đã mang lại những hiệu quả tích cực, hỗ trợ phần nào các doanh nghiệp cao su thiên nhiên đối phó với việc giá thành đầu ra giảm quá mạnh.
- Trong năm 2014, Cao su Quảng Nam đã mua thành công 20% cổ phần của CTCP Cao su Sao Vàng (SRC). Mặc dù thị trường cao su vẫn gặp nhiều khó khăn nhưng theo báo cáo tài chính quý IV/2014, doanh thu của SRC đạt gần 996 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 68,8 tỷ đồng tăng 4,88% so với năm 2013. Điều này cho thấy định hướng đầu tư của Cao su Quảng Nam vào các công ty cao su là đúng đắn. Dự kiến trong giai đoạn tiếp theo, VHG có thể tiếp tục mua thêm cổ phần của SRC, đồng thời nghiên cứu đầu tư vào những công ty tiềm năng khác trong ngành.
- Cùng với việc thực hiện tái cơ cấu mạnh mẽ Công ty trong năm 2013, 2014, VHG đã thay đổi chiến lược phát triển, theo đó lĩnh vực sản xuất kinh doanh đem lại lợi nhuận



lớn nhất là Cao su thiên nhiên, tuy nhiên hoạt động trong lĩnh vực Cao su của Công ty hiện tại vẫn dừng ở công đoạn sơ chế và bán nguyên liệu thô. Do đó trong năm 2015 ban lãnh đạo Công ty nhận thấy việc tiếp tục mở rộng các hoạt động, tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị ngành Cao su hứa hẹn sẽ đem lại nhiều lợi nhuận hơn cho Công ty.

- Hoạt động sản xuất và chế biến sâu cao su có tỷ suất lợi nhuận cao hơn rất nhiều so với hoạt động bán nguyên liệu chỉ qua sơ chế và nguyên liệu thô, vì vậy việc nhanh chóng triển khai các dự án, kế hoạch để Công ty có thể mở rộng sản xuất và chế biến sâu cao su là mục tiêu hàng đầu của Công ty. Việc tiếp tục phát triển sâu rộng hơn trong lĩnh vực cao su cho thấy Công ty đang tìm kiếm nguồn doanh thu và lợi nhuận ổn định. Đây chính là cơ sở gia tăng giá trị cho VHG trong tương lai.

2.2. Đầu tư vào công ty con

- Số tiền dự kiến thu được từ đợt phát hành để thực hiện đầu tư vào Công ty con là 200.000.000.000 đồng trong đó:
 - Đầu tư vào Công ty cổ phần Cao su Việt Hàn: 150.000.000.000 đồng
 - Đầu tư vào Công ty cổ phần Khoáng sản Quảng Nam: 50.000.000.000 đồng
- Hình thức đầu tư:
 - Đầu tư vốn để gia tăng tỷ lệ sở hữu đồng thời góp vốn thực hiện các dự án đang triển khai tại các Công ty con.
- Hiệu quả đầu tư
 - Cùng với việc thực hiện tái cơ cấu mạnh mẽ Công ty trong năm 2014, Cao su Quảng Nam đã thay đổi chiến lược phát triển, theo đó tập trung chủ yếu vào các lĩnh vực như cao su, bất động sản, khoáng sản.
 - Đây đều là những ngành có tỷ suất lợi nhuận cao. Do vậy, hiệu quả trong việc phát triển dự án sẽ phụ thuộc rất nhiều vào kế hoạch triển khai và chiến lược phát triển của Công ty.
 - Với định hướng phát triển lấy ngành cao su làm mũi nhọn, VHG tiếp tục đầu tư chăm sóc và khai thác diện tích cao su đã có, đồng thời dự kiến hợp tác xây dựng nhà máy chế biến sâu cao su làm gia tăng giá trị từ 6-8 lần so với sản phẩm cao su tự nhiên. Bên cạnh đó, Công ty cũng gấp rút triển khai các dự án bất động sản lớn trong năm 2015. Đây chính là cơ sở gia tăng giá trị cho VHG trong tương lai.
- Chi tiết đầu tư vào Công ty con
 - Công ty cổ phần Cao su Việt Hàn
 - Địa chỉ: Thôn Phú Sơn, Xã Ba, Huyện Đông Giang, Tỉnh Quảng Nam
 - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 4000939100

- Lĩnh vực hoạt động: Trồng cây cao su, trồng rừng, chăm sóc rừng, khai thác gỗ và lâm sản khác, dịch vụ lâm nghiệp, sản xuất sản phẩm cao su và các sản phẩm khác từ cao su.
- Dự án đầu tư của Công ty cổ phần Cao su Việt Hàn
 - Tên dự án: Dự án trồng mới, chăm sóc cây cao su và chế biến sâu cao su
 - Chủ đầu tư: Công ty cổ phần cao su Việt Hàn
 - Vị trí: Huyện Đông Giang, Tỉnh Quảng Nam
 - Quy mô dự án: 13.303 ha trong đó diện tích triển khai giai đoạn 1: 6.488 ha
 - Tổng mức đầu tư dự kiến: 1.831,68 tỷ đồng
 - Thời gian triển khai dự kiến: 2013 – 2018
- Hiệu quả đầu tư:
 - Hiện nay, một số công ty cao su đang niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam có kết quả hoạt động kinh doanh khá tốt. Cụ thể, mức lợi nhuận ròng bình quân của các Công ty vào khoảng hơn 20% trong đó cao nhất là Công ty cổ phần cao su Đồng Phú (31,13%) và thấp nhất là Công ty cổ phần cao su Phước Hòa (9,58%).
 - Giá cao su trên thị trường thế giới trong năm 2014 đã giảm khá sâu do ảnh hưởng của thị trường cao su thế giới. Tuy nhiên, theo báo cáo của Quỹ Tiền tệ Quốc tế, nhu cầu cao su thiên nhiên toàn cầu năm 2015 dự đoán tăng 5,3%. Dự báo của RNR Research, tiêu thụ sản phẩm sẽ tăng trưởng 4,3%/năm trong giai đoạn 2014-2017 và đạt 2,9 tỷ đơn vị vào 2017. Trong khi đó, nguồn cung cao su trên thế giới sẽ giảm do giá cao su đã giảm sâu vì chính sách khuyến khích chặt bớt cây cao su để giảm sản lượng và tận dụng gỗ cao su để xây dựng đường sá, đê ngăn lũ tại nhiều quốc gia. Tương tự, Tổ chức Nghiên cứu Cao su quốc tế ở Singapore dự báo nguồn cung cao su toàn cầu năm 2015 sẽ giảm 46% so với 2014 xuống mức 202.000 tấn. Đây chính là những dấu hiệu tích cực báo hiệu thị trường cao su sẽ có sự phục hồi tích cực trong thời gian tới.
 - Nền kinh tế Việt Nam đang có xu hướng phục hồi là tín hiệu tích cực đối với ngành cao su trong nước khi nhu cầu dự báo sẽ tăng cao hơn. Bên cạnh đó, kinh tế thế giới năm vừa qua cũng chứng kiến sự hồi phục của các nền kinh tế lớn trên thế giới như Mỹ, Nhật,... Điều này sẽ góp phần tăng nhu cầu về cao su trong công nghiệp, tạo thuận lợi cho việc xuất khẩu mặt hàng này.
 - Nhiều biện pháp của các Hiệp hội cao su trên thế giới và của Chính phủ đã được đưa ra nhằm kiểm soát sự sụt giảm giá cao su.

- Hiệu quả tài chính:
 - ✓ Tổng doanh thu: 15.562.521.063.181 VNĐ
 - ✓ Lợi nhuận trước thuế: 7.031.671.970.823 VNĐ
 - ✓ NPV: 1.027.619.738 VNĐ
- Hiệu quả về mặt xã hội
 - ✓ Tạo việc làm cho hơn 3.000 lao động cho địa phương, đặc biệt là dân tộc thiểu số.
 - ✓ Ổn định, nâng cao chất lượng cuộc sống, thúc đẩy kinh tế phát triển, hạn chế các tệ nạn xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng.
 - ✓ Tăng độ che phủ đất, bảo vệ nguồn nước, chống sới mòn, rửa trôi, lũ quét.
- Công ty cổ phần Khoáng sản Quảng Nam
 - Địa chỉ: Khu B, Lô 4 KCN Điện Nam Điện Ngọc, Tỉnh Quảng Nam
 - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 4000931126
 - Lĩnh vực hoạt động: Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt, vận tải hàng hóa đường thủy nội địa, khai thác đá, cát, sỏi, đất sét, khai thác quặng sắt, sản xuất vật liệu từ đất sét.
 - Công ty CP Khoáng sản Quảng Nam dự kiến gia tăng tỷ lệ sở hữu tại Công ty TNHH Thương Mại Hoài Mỹ (hiện đang nắm giữ 25%).
 - Dự án đầu tư đang thực hiện tại Công ty TNHH Thương Mại Hoài Mỹ:
 - Tên dự án: Khai thác mỏ đá tại Thôn Hy Thế, Xã Hoài Châu Bắc, Huyện Hoài Nhơn, Bình Định
 - Chủ đầu tư: Công ty TNHH Thương mại Hoài Mỹ
 - Vị trí: Thôn Hy Thế, Xã Hoài Châu Bắc, Huyện Hoài Nhơn, Bình Định
 - Quy mô dự án: diện tích 7,8 ha
 - Thời gian khai thác: 22 năm
 - Thời gian triển khai dự kiến: đang triển khai thực hiện khai thác
 - Dự án khai thác này hiện đang cung cấp đá cho Dự án mở rộng quốc lộ 1A đoạn qua bắc Bình Định (đoạn từ Km 1125 thuộc xã Hoài Châu Bắc đến Km 1153 xã Hoài Đức (huyện Hoài Nhơn)



2.3. Tăng vốn để bổ sung vốn lưu động cho Công ty.

Số tiền dự kiến thu được từ đợt phát hành để thực hiện bổ sung vốn lưu động đối với hoạt động kinh doanh với mục đích tăng doanh thu trong năm 2015. Việc tài trợ cho vốn lưu động của Công ty thông qua đợt phát hành lần này sẽ giúp Công ty giảm sự phụ thuộc vào vay ngân hàng cũng như áp lực lãi vay mà vẫn đảm bảo nguồn vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong bối cảnh quy mô sản xuất của Công ty đang được mở rộng. Nguồn vốn dự kiến thu được để bổ sung vốn lưu động của Công ty sẽ chủ yếu được phân bổ cho hoạt động kinh doanh thương mại và hoạt động xây dựng hạ tầng.

- Hiệu quả việc tài trợ vốn lưu động nhằm cân đối nguồn vốn
 - Hiện nay, một số dự án của Cao su Quảng Nam là các dự án đầu tư dài hạn. Trong khi đó theo báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2014, các khoản nợ ngắn hạn của VHG khoảng 64 tỷ. Hiện đang có việc dùng nguồn ngắn hạn để tài trợ cho các khoản đầu tư dài hạn, điều này sẽ đem đến những rủi ro nhất định cho Công ty, gây ra mất cân đối nguồn vốn trong hoạt động kinh doanh.
 - Do đó, việc thực hiện tái cơ cấu tài chính sẽ đem lại hoạt động ổn định cho Công ty, phù hợp với chiến lược phát triển giải quyết được các khó khăn về nguồn vốn hoạt động.
- Hiệu quả việc mở rộng quy mô và mạng lưới kinh doanh thương mại
 - Trong năm 2014, mặc dù mảng hoạt động kinh doanh thương mại không phải là hoạt động đem lại lợi nhuận chính cho VHG nhưng hoạt động thương mại của Công ty mẹ lại là cầu nối giữa các Công ty con và các khách hàng. Đóng góp một cách gián tiếp vào các khoản lợi nhuận của các Công ty con, và bước đầu mang đến doanh thu lợi nhuận cho Công ty.
 - Năm 2015 theo dự đoán sẽ tiếp tục xu hướng phục hồi của nền kinh tế, nhu cầu về hàng hóa cũng như nguyên vật liệu sẽ tăng cao sẽ giúp hoạt động thương mại hứa hẹn sẽ có nhiều khởi sắc.
 - Bước sang năm 2015, VHG tiếp tục mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh của các Công ty con theo chiến lược đã đề ra, vì vậy việc bổ sung vốn lưu động để mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh thương mại, đồng thời tìm kiếm thị trường và khách hàng tiềm năng để đảm bảo đầu ra cho các Công ty con cần được sớm triển khai.
- Hiệu quả đầu tư hoạt động xây dựng hạ tầng
 - Trong năm 2014, tại khu vực miền trung triển khai nhiều dự án xây dựng cơ sở hạ tầng như Dự án phát triển thành phố bền vững, dự án cao tốc Đà Nẵng – Quảng Ngãi.... Các dự án này đều được tài trợ bởi các nguồn vốn của World bank và nguồn vốn ODA của Nhật Bản.



- Có thể thấy rằng, hoạt động đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng trong năm 2015 sẽ có nhiều cơ hội phát triển. Tuy nhiên, là một doanh nghiệp mới bước chân vào lĩnh vực này, Cao su Quảng Nam cần có thời gian và tiềm lực để thực hiện đấu thầu và tham gia các dự án.

VII. Kế hoạch sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán

- Dự kiến số tiền thu được từ đợt chào bán như sau;
 - Số vốn điều lệ tăng thêm: **750.000.000.000 đồng**
 - Tổng số tiền thu được từ đợt chào bán: **750.000.000.000 đồng**

Mục đích sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán đã được nêu tại mục VI.1. Chi tiết kế hoạch sử dụng số tiền này như sau:

Bảng 36: Kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán

STT	Mục đích sử dụng	Giá trị (tỷ đồng)
1	Thực hiện đầu tư, liên doanh, liên kết, hợp tác với các công ty có tiềm năng trong cùng lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty	400
2	Đầu tư Công ty con: Công ty CP Cao su Việt Hàn	150
3	Đầu tư Công ty con: Công ty CP Khoáng sản Quảng Nam (trước đây là CTCP Khoáng sản Việt Hàn đã được đổi tên theo Giấy chứng nhận ĐKDN số 4000931129 đăng ký thay đổi lần 2 ngày 12/02/2015)	50
4	Bổ sung vốn lưu động	150
	Tổng	750

(Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Quảng Nam)

- Phương án xử lý trong trường hợp không chào bán hết số cổ phiếu đăng ký chào bán

Trong trường hợp kết thúc thời gian chào bán theo quy định, Công ty không chào bán hết số cổ phiếu như đăng ký, số tiền thu được từ đợt phát hành không đủ theo đúng dự kiến, để thực hiện các kế hoạch đầu tư đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, tùy tình hình thực tế, Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Quảng Nam có giải pháp xử lý như sau:

- Xin gia hạn đợt chào bán để tiếp tục chào bán số cổ phiếu còn lại;
- Tiến hành bổ sung vốn cho kế hoạch đầu tư thông qua các nguồn vốn khác như: phát hành trái phiếu, vay ngân hàng, các tổ chức khác.

Các đối tác liên quan tới đợt chào bán

Tổ chức tư vấn

Công ty cổ phần Chứng khoán Đại Dương (OCS)

× **Trụ sở chính:**

Địa chỉ: Tầng 1&7, Tòa nhà Trung Yên Plaza, Lô O17, KĐT Trung Yên, P.Trung Hòa, Q.Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: 84-4 37726699 Fax: 84-4 37726763
Website: <http://www.ocs.com.vn/>

× **Chi nhánh Sài Gòn**

Địa chỉ: Tầng M - tòa nhà Central Park - số 117 Nguyễn Du, Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 84-8 62906296 Fax: 84-8 62906399

Tổ chức kiểm toán báo cáo tài chính năm 2013

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

Địa chỉ : 217 Nguyễn Văn Linh, Q.Thanh Khê, Tp.Đà Nẵng
Điện thoại : (84-511) 3655886 Fax : (84-511) 3655887
Website : www.aac.com.vn

Tổ chức kiểm toán báo cáo tài chính năm 2014

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt tại Hà Nội

Địa chỉ : Phòng 1407. 137 Nguyễn Ngọc Vũ, Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại : (84-4) 6285 9222 - Fax: (84-4) 6285 9111
Website : www.vietlandaudit.com.vn

Phụ lục

1. Phụ lục 1: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
2. Phụ lục 2: Điều lệ Công ty;
3. Phụ lục 3: Nghị quyết ĐHCĐ thông qua phương án phát hành cổ phiếu;
4. Phụ lục 4 : Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2013 và 2014 ; Báo cáo tài chính kiểm toán Công ty mẹ năm 2013 và 2014.
5. Phụ lục 5 : Các giấy tờ pháp lý có liên quan.



Quảng Nam, ngày 21 tháng 04 năm 2015

**TỔ CHỨC PHÁT HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM**

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TRẦN XUÂN HIẾU

TỔNG GIÁM ĐỐC



TRẦN XUÂN HIẾU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

LÊ KHIẾU PHƯƠNG

**TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNG**

TỔNG GIÁM ĐỐC



VŨ HỒNG SƠN

